

Số: 235/2022-CBTT

Ngày 12 tháng 08 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Tên CTQLQ: CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)**
  - Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**
  - Mã chứng khoán: **FUEVFN**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
  - Điện thoại: 08-3825 1488 Fax: 08-3825 1477
  - Email: [cshk@dragoncapital.com](mailto:cshk@dragoncapital.com) website: <http://dragoncapital.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên 2022 đã Soát xét**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 12/08/2022 tại đường dẫn [http:// dragoncapital.com.vn](http://dragoncapital.com.vn) của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm/Attached documents*

**Báo cáo tài chính bán niên 2022 đã Soát xét**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**



**NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**  
Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Thông tin chung**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán**  
**Chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

38/GCN-UBCK cấp ngày 27 tháng 2 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập**  
**Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

43/GCN-UBCK cấp ngày 22 tháng 4 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở đã được điều chỉnh bởi Giấy Chứng nhận Điều chỉnh Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở số 13/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không giới hạn.

**Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ**

241/QĐ-SGDHCM cấp ngày 7 tháng 5 năm 2020

Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ được cấp bởi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ban Đại diện Quỹ**

|                        |            |
|------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Bội Hồng Lê  | Chủ tịch   |
| Bà Vương Thị Hoàng Yến | Thành viên |
| Bà Trần Ngọc Hân       | Thành viên |

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngõ Đức Kế  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

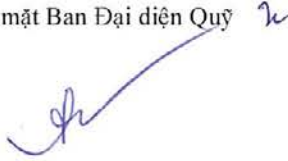
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê  
*Chủ tịch*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

12  
H  
7  
A  
T  
11



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 181, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam cam kết rằng Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**1. Thông tin chung về Quỹ**

**a. Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ phù hợp với Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**b. Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 36,18% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021; trong khi giá trị của danh mục của chứng khoán cơ cấu thay đổi là giảm 3,57%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là giảm 3,16% so với đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**c. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

**d. Phân loại Quỹ**

Quỹ thuộc loại quỹ Hoán đổi danh mục (“quỹ ETF”).

**e. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Không có.

**f. Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Trung bình.

**g. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 7 tháng 5 năm 2020 với mã chứng khoán là FUEVFNVD.

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**h. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 691.700.000 và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 27.153,44 VND.

**i. Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Chỉ số tham chiếu của Quỹ là chỉ số VN DIAMOND.

**j. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ không phân phối lợi nhuận. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

**k. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ**

Không có.

**2. Số liệu hoạt động**

**a. Cơ cấu tài sản quỹ**

| Cơ cấu tài sản quỹ   | 30/6/2022      | 30/6/2021      | 30/6/2020      |
|----------------------|----------------|----------------|----------------|
| Danh mục chứng khoán | 98,55%         | 99,73%         | 99,35%         |
| Tài sản khác         | 1,45%          | 0,27%          | 0,65%          |
| <b>Cộng</b>          | <b>100,00%</b> | <b>100,00%</b> | <b>100,00%</b> |

**b. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

| Chỉ tiêu   | 30/6/2022          | 30/6/2021          | 30/6/2020         |
|--|--------------------|--------------------|-------------------|
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)   | 18.782.035.010.521 | 13.530.434.553.505 | 1.362.487.799.178 |
| Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành                                | 691.700.000        | 529.800.000        | 119.100.000       |
| Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)                | 27.153,44          | 25.538,75          | 11.439,86         |
| Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)  | 31.109,56          | 25.538,75          | 12.649,93         |
| Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 24.189,11          | 16.585,33          | 10.772,59         |

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

| Chỉ tiêu   | 30/6/2022 | 30/6/2021 | 30/6/2020     |
|--|-----------|-----------|---------------|
| Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)                          | 27.590    | 25.700    | 11.630        |
| Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)                 | 32.250    | 25.740    | 12.770        |
| Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)                | 24.500    | 16.740    | 10.500        |
| Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ  | (3,57)    | 50,46     | Không áp dụng |
| ▪ <i>Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)</i>            | (6,89)    | 40,71     | Không áp dụng |
| ▪ <i>Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)</i> | 3,32      | 9,75      | Không áp dụng |
| Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)  | Không có  | Không có  | Không có      |
| Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)   | Không có  | Không có  | Không có      |
| Ngày chốt quyền  | Không có  | Không có  | Không có      |
| Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)                                      | 1,08      | 1,15      | 1,15          |
| Tốc độ vòng quay danh mục (%)  | 16,80     | 52,36     | 7,46          |

**c. Tăng trưởng qua các thời kỳ**

| Giai đoạn                         | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%) | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) |
|-----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| 1 năm                             | 6,32                             | 6,32                             |
| 3 năm                             | Không áp dụng                    | Không áp dụng                    |
| Từ khi thành lập                  | 171,53                           | 55,30                            |
| Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không áp dụng                    | Không áp dụng                    |

**d. Tăng trưởng hàng năm**

| Thời kỳ                              | 30/6/2022 | 30/6/2021 | 30/6/2020 |
|--------------------------------------|-----------|-----------|-----------|
| Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ | 6,32      | 123,24    | 64,21     |



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **3. Mô tả thị trường trong kỳ**

Chỉ số VN-Index giảm 7,4% trong tháng 6 năm 2022, ghi nhận tháng giảm thứ 3 liên tiếp. Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.197,6 điểm, giảm 20,1% so với đầu năm. Thanh khoản trung bình trong quý 2 là hơn 16.000 tỷ VND, giảm 35,6% so với quý 1. Thanh khoản trung bình trong nửa đầu năm 2022 là gần 20.000 tỷ VND, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước.

Những điểm chính của thị trường trong nửa đầu năm 2022:

- i) Thanh khoản giảm mạnh theo tâm lý tiêu cực của nhà đầu tư;
- ii) Nhóm ngành thực phẩm đứng vững trước xu hướng giảm của thị trường;
- iii) Các ngành như chứng khoán, bất động sản, thép tiếp tục giảm điểm.

### **4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ**

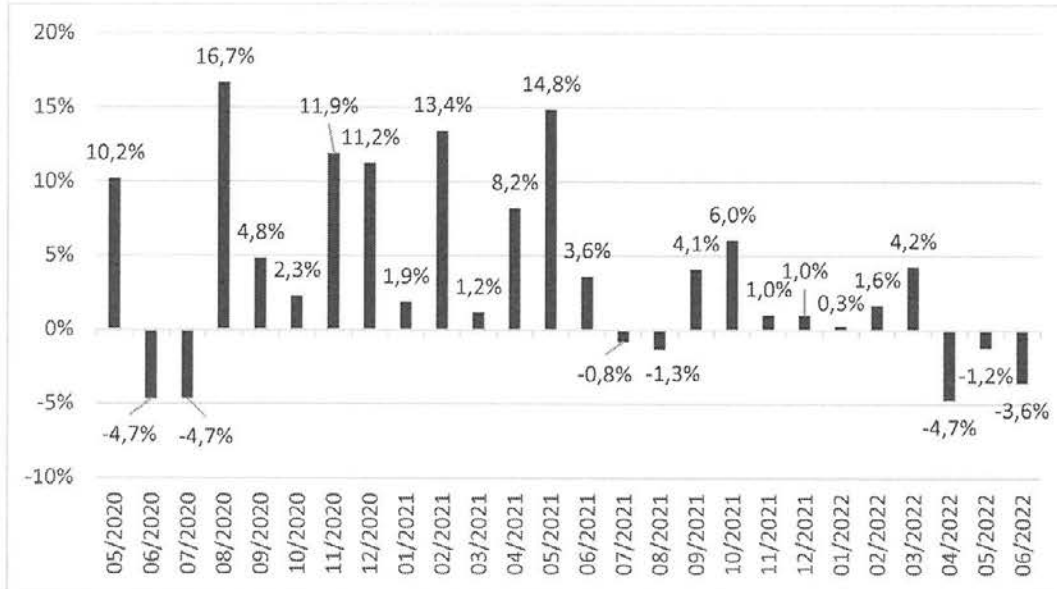
#### **a. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

| <b>Chỉ tiêu</b>                              | <b>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</b> | <b>3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)</b> | <b>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</b> |
|--|--|--|---|
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ            | 11,77                                  | Không áp dụng  | 43,37   |
| Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ                 | (5,44)                                 | Không áp dụng  | 128,16  |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ                | 6,32                                   | Không áp dụng  | 171,53  |
| Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ       | 6,32                                   | Không áp dụng  | 55,30   |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu              | 6,32                                   | Không áp dụng  | 171,53  |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | 7,35                                   | Không áp dụng  | 162,76  |



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

- Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ kể từ khi thành lập đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

| Chỉ tiêu  | 30/6/2022<br>(1)   | 31/12/2021<br>(2)  | Tỷ lệ<br>thay đổi<br>(3)=((1)-(2))/(2) |
|---|--------------------|--------------------|--|
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ              | 18.782.035.010.521 | 13.791.745.107.213 | 36,18%                                 |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị<br>CCQ | 27.153,44          | 28.157,91          | (3,57%)                                |

Trong 6 tháng đầu năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam giảm mạnh nhưng nhờ sự quan tâm và góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND nên tổng NAV của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND có mức tăng đáng kể.

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**b. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|-------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| Dưới 5.000              | 4.812                       | 4.427.631                             | 0,65              |
| Từ 5.000 đến 10.000     | 312                         | 2.225.540                             | 0,32              |
| Từ 10.000 đến 50.000    | 248                         | 5.072.480                             | 0,73              |
| Từ 50.000 đến 500.000   | 80                          | 13.571.390                            | 1,96              |
| Trên 500.000            | 64                          | 666.402.959                           | 96,34             |
| <b>Tổng cộng</b>        | <b>5.516</b>                | <b>691.700.000</b>                    | <b>100,00</b>     |

**c. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ quy định tất cả các nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**5. Thông tin về triển vọng thị trường**

Việt Nam ghi nhận tăng trưởng GDP quý II năm 2022 đạt 7,7%, mức cao nhất kể từ năm 2011. Ngành dịch vụ tăng trưởng 8,6% trong Quý II và 6,6% trong nửa đầu năm 2022, đóng góp phần lớn bởi sức tiêu dùng nội địa, trong đó bán lẻ lần lượt đạt mức 19,7% và 11,4%. Về thương mại, xuất khẩu tăng 17,5% đạt 4,278 nghìn tỷ đồng, trong khi đó nhập khẩu tăng 16,1% tương đương mức 4,253 nghìn tỷ đồng trong 6 tháng, qua đó thặng dư thương mại vẫn chỉ ở mức khiêm tốn, đạt 25,3 nghìn tỷ đồng. Sản xuất cũng tăng cùng với xuất khẩu. Trong 6 tháng đầu năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,5% so với cùng kỳ và chỉ số PMI tháng 6 đạt 54 điểm. FDI giải ngân tăng 8,9% đạt 232 nghìn tỷ đồng và các công ty Apple, Xiaomi chuyển chuỗi sản xuất sang Việt Nam là minh chứng cho thấy Việt Nam vẫn tiếp tục là điểm đến hàng đầu cho việc dịch chuyển chuỗi giá trị và chiến lược đa dạng hóa của các tập đoàn toàn cầu. Mặc dù tăng trưởng bứt phá, lạm phát vẫn được duy trì ở mức ổn định. Chỉ số CPI tăng 0,69% so với tháng trước và 3,4% so với cùng kỳ, trong đó xăng dầu đóng góp hơn một nửa mức độ tăng. Lãi suất vẫn đang tiếp tục chịu áp lực tăng. Tăng trưởng tín dụng tăng 9,4% trong 6 tháng đầu năm, cao nhất kể từ năm 2010, nhưng tốc độ tăng trưởng huy động chỉ đạt 4,5%, cho thấy áp lực huy động sắp tới cao. VND đã trượt giá 2,5% tính từ đầu năm. Để ổn định đồng nội tệ, Ngân hàng Nhà nước đã phát hành hơn 100 ngàn tỷ tín phiếu, đồng thời thực hiện bán kỳ hạn 13,5 tỷ đô. Điều này đã hút bớt tiền ra khỏi thị trường liên ngân hàng khiến lãi suất qua đêm tăng từ 0,4% lên 0,8% trong tháng 6. Việc giảm bớt cung tiền để ổn định lạm phát và duy trì sức mạnh của đồng VND có thể tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước thực hiện trong vài tháng tới. Tuy nhiên, nếu Ngân hàng Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ tăng 75 và 50 điểm lãi suất trong hai kỳ họp tới, Việt Nam cũng có thể phải tăng lãi suất 50 điểm vào quý IV năm 2022.

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**6. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty quản lý Quỹ như sau:

|                       | Tên                 | Chức vụ                                   | Bằng cấp                    | Quá trình công tác   |
|-----------------------|---------------------|---|-----------------------------|--|
| Nhân sự điều hành Quỹ | Lương Thị Mỹ Hạnh   | Giám đốc quản lý tài sản, khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế             | - Từ 2010 đến ngày 12/03/2021: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu<br>- Từ ngày 12/03/2021 đến nay: Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước   |
|                       | Trần Lê Minh        | Giám đốc chi nhánh Hà Nội                 | Thạc sỹ Quản trị Tài chính  | - Từ 2011 đến ngày 12/03/2021: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội<br>- Từ ngày 12/03/2021 đến nay: Giám đốc chi nhánh Hà Nội  |
| Ban Đại diện Quỹ      | Nguyễn Bội Hồng Lê  | Chủ tịch                                  | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | - Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí<br>- Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam   |
|                       | Vương Thị Hoàng Yến | Thành viên                                | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | - Từ tháng 8/2004 đến tháng 11/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Minh Thắng<br>- Từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2012: Kiểm toán viên, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán AS<br>- Từ tháng 9/2012 đến tháng 5/2013: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán F&A<br>- Từ 2013 đến tháng 12/2019: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Kiểm toán Đại Tín. |





**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

|                                   | Tên           | Chức vụ       | Bằng cấp              | Quá trình công tác  |
|-----------------------------------|---------------|---------------|-----------------------|---|
|                                   |               |               |                       | - Từ tháng 1/2020 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng |
|                                   | Trần Ngọc Hân | Thành viên    | Thạc sỹ Luật, Luật sư | - Từ 2015 đến nay: Chuyên viên cao cấp Pháp chế tuân thủ                        |
| Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ | Beat Schurch  | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Kinh tế       | - Từ ngày 30/12/2020 đến nay: Tổng Giám đốc                                     |



Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Ông Beat Schurch  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Quỹ đã thực hiện phát hành, và hoán đổi Chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

TPHCM, ngày 10 tháng 08 năm 2022

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ngô Thùy Dương

Phó Trưởng phòng DVKHTC2

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Bùi Trần Trà Giang





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 15 đến trang 65.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00265-22-1



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu số B01g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

| STT        | Chỉ tiêu  | Mã số     | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND |
|------------|---|-----------|-------------|--|--|
| <b>I</b>   | <b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                         | <b>01</b> |             | <b>(569.746.338.157)</b>                 | <b>4.141.751.868.581</b>                 |
| 1.1        | Cổ tức được chia  | 02        | 11          | 93.208.899.156                           | 34.395.932.156                           |
| 1.2        | Tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng                            | 03        | 11          | 175.009.449                              | 332.966.350                              |
| 1.3        | Lãi từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư                             | 04        | 12          | 636.155.072.703                          | 899.231.400.572                          |
| 1.4        | Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 05        | 13          | (1.299.285.319.465)                      | 3.207.791.569.503                        |
| <b>II</b>  | <b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>   | <b>10</b> |             | <b>3.535.384.196</b>                     | <b>6.764.349.398</b>                     |
| 2.1        | Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư                    | 11        | 14          | 3.535.384.196                            | 6.764.349.398                            |
| <b>III</b> | <b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>                                    | <b>20</b> |             | <b>79.489.041.176</b>                    | <b>50.353.601.863</b>                    |
| 3.1        | Phí quản lý quỹ ETF   | 20.1      | 19          | 61.267.408.634                           | 39.450.065.052                           |
| 3.2        | Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF                                  | 20.2      | 15          | 1.975.664.323                            | 1.312.084.990                            |
| 3.3        | Phí dịch vụ giám sát  | 20.3      | 19          | 3.369.707.471                            | 2.169.753.584                            |
| 3.4        | Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF  | 20.4      | 19          | 1.684.853.738                            | 1.084.876.785                            |
| 3.5        | Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng                                    | 20.5      |             | 33.000.000                               | 33.000.000                               |
| 3.6        | Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của quỹ ETF                | 20.6      | 16          | 10.871.622.549                           | 6.080.946.763                            |
| 3.7        | Chi phí họp, Đại hội quỹ ETF  | 20.7      |             | 26.000.000                               | 27.142.500                               |
| 3.8        | Chi phí kiểm toán   | 20.8      |             | 93.334.550                               | 57.112.735                               |
| 3.11       | Chi phí hoạt động khác  | 20.11     | 17          | 167.449.911                              | 138.619.454                              |
| <b>IV</b>  | <b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)</b>                 | <b>23</b> |             | <b>(652.770.763.529)</b>                 | <b>4.084.633.917.320</b>                 |
| <b>V</b>   | <b>TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>             | <b>30</b> |             | <b>(652.770.763.529)</b>                 | <b>4.084.633.917.320</b>                 |
| 6.1        | Lợi nhuận đã thực hiện  | 31        |             | 646.514.555.936                          | 876.842.347.817                          |
| 6.2        | (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện                                       | 32        |             | (1.299.285.319.465)                      | 3.207.791.569.503                        |
| <b>VI</b>  | <b>(LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>                    | <b>41</b> |             | <b>(652.770.763.529)</b>                 | <b>4.084.633.917.320</b>                 |

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ



Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022****Mẫu số B02g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| STT       | Chi tiêu  | Mã số      | Thuyết minh | 30/6/2022<br>VND          | 31/12/2021<br>VND         |
|-----------|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>I</b>  | <b>TÀI SẢN</b>  |            |             |                           |                           |
| <b>1</b>  | <b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>         | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>260.534.186.440</b>    | <b>43.242.266.392</b>     |
| 1.1       | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF                    | 111        |             | 260.534.186.440           | 43.242.266.392            |
| <b>2</b>  | <b>Các khoản đầu tư thuần</b>                                   | <b>120</b> |             | <b>18.577.657.680.600</b> | <b>13.755.212.515.450</b> |
| 2.1       | Các khoản đầu tư  | 121        | 5           | 18.577.657.680.600        | 13.755.212.515.450        |
| <b>3</b>  | <b>Các khoản phải thu</b>                                       | <b>130</b> |             | <b>14.034.256.800</b>     | <b>15.176.853.800</b>     |
| 3.1       | Phải thu về bán các khoản đầu tư                                | 131        |             | -                         | 1.672.185.000             |
| 3.2       | Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư            | 133        |             | 14.034.256.800            | 13.504.668.800            |
| 3.2.2     | <i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>               | <i>136</i> |             | <i>14.034.256.800</i>     | <i>13.504.668.800</i>     |
|           | <b>TỔNG TÀI SẢN<br/>(100 = 110 + 120 + 130)</b>                 | <b>100</b> |             | <b>18.852.226.123.840</b> | <b>13.813.631.635.642</b> |
| <b>II</b> | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>  |            |             |                           |                           |
| 2         | Phải trả về mua các khoản đầu tư                                | 312        |             | 38.269.970.000            | -                         |
| 6         | Chi phí phải trả  | 316        | 6           | 115.395.704               | 133.374.005               |
| 7         | Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ               | 317        | 7           | 9.015.217.500             | -                         |
| 8         | Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ           | 318        |             | -                         | 3.235.508.687             |
| 9         | Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF                                | 319        | 8           | 22.790.530.115            | 18.517.645.737            |
|           | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ<br/>(300 = 312 + 316 + 317 + 318 + 319)</b> | <b>300</b> |             | <b>70.191.113.319</b>     | <b>21.886.528.429</b>     |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B02g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| STT        | Chi tiêu  | Mã số      | Thuyết minh | 30/6/2022<br>VND          | 31/12/2021<br>VND         |
|------------|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>III</b> | <b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 – 300)</b> | <b>400</b> |             | <b>18.782.035.010.521</b> | <b>13.791.745.107.213</b> |
| <b>1</b>   | <b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>   | <b>411</b> | <b>9</b>    | <b>6.917.000.000.000</b>  | <b>4.898.000.000.000</b>  |
| 1.1        | Vốn góp phát hành   | 412        |             | 8.984.000.000.000         | 6.419.000.000.000         |
| 1.2        | Vốn góp hoán đổi lại  | 413        |             | (2.067.000.000.000)       | (1.521.000.000.000)       |
| <b>2</b>   | <b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>  | <b>414</b> | <b>9</b>    | <b>6.167.863.598.977</b>  | <b>2.543.802.932.140</b>  |
| <b>3</b>   | <b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>   | <b>420</b> | <b>10</b>   | <b>5.697.171.411.544</b>  | <b>6.349.942.175.073</b>  |
| <b>IV</b>  | <b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>                                     | <b>430</b> | <b>9</b>    | <b>27.153,44</b>          | <b>28.157,91</b>          |
| <b>V</b>   | <b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>   |            |             | <b>30/6/2022<br/>CCQ</b>  | <b>31/12/2021<br/>CCQ</b> |
| <b>4</b>   | <b>Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành</b>   | <b>004</b> | <b>9</b>    | <b>691.700.000</b>        | <b>489.800.000</b>        |

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam


Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởngÔng Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu số B03g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

| STT   | Chỉ tiêu   | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND |
|-------|--|--|--|
| I     | Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (“NAV”) đầu kỳ                                  | 13.791.745.107.213                       | 5.280.430.128.341                        |
| II    | Thay đổi NAV trong kỳ  | (652.770.763.529)                        | 4.084.633.917.320                        |
|       | <i>Trong đó:</i>   |  |  |
| II.1  | Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ | (652.770.763.529)                        | 4.084.633.917.320                        |
| III   | Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ ETF                   | 5.643.060.666.837                        | 4.165.370.507.844                        |
|       | <i>Trong đó:</i>   |  |  |
| III.1 | Khoản thu từ việc phát hành Chứng chỉ quỹ ETF                                    | 7.174.184.801.264                        | 4.880.320.255.145                        |
| III.2 | Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại Chứng chỉ quỹ ETF                          | (1.531.124.134.427)                      | (714.949.747.301)                        |
| IV    | Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ (IV = I + II + III)                     | 18.782.035.010.521                       | 13.530.434.553.505                       |


Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

  
Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

  
Ông Phạm Thành Dũng  
Kế toán trưởng



  
Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**


Mẫu số B04g – ETF  
 (Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
 ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

| STT        | Loại tài sản   | Số lượng   | Giá thị trường<br>tại ngày<br>30/6/2022<br>VND/cổ phiếu | Tổng giá trị tại<br>ngày 30/6/2022<br>VND | Tỷ lệ phần<br>trăm trên tổng<br>giá trị tài sản<br>của Quỹ<br>% |
|------------|--|------------|---|---|---|
| <b>I</b>   | <b>Cổ phiếu niêm yết</b>                             |            |   | <b>18.577.657.680.600</b>                 | <b>98,55%</b>   |
| 1          | ACB  | 49.844.616 | 24.000  | 1.196.270.784.000                         | 6,35%   |
| 2          | CTD  | 972.860    | 53.800  | 52.339.868.000                            | 0,28%   |
| 3          | CTG  | 6.238.715  | 26.150  | 163.142.397.250                           | 0,87%   |
| 4          | DHC  | 773.000    | 65.000  | 50.245.000.000                            | 0,27%   |
| 5          | EIB  | 4.555.900  | 32.000  | 145.788.800.000                           | 0,77%   |
| 6          | FPT  | 33.743.834 | 86.200  | 2.908.718.490.800                         | 15,43%  |
| 7          | GMD  | 8.945.550  | 52.000  | 465.168.600.000                           | 2,47%   |
| 8          | KDH  | 9.208.602  | 38.900  | 358.214.617.800                           | 1,90%   |
| 9          | MBB  | 38.624.934 | 24.200  | 934.723.402.800                           | 4,96%   |
| 10         | MSB  | 23.917.306 | 17.000  | 406.594.202.000                           | 2,16%   |
| 11         | MWG  | 45.000.840 | 71.500  | 3.217.560.060.000                         | 17,07%  |
| 12         | NLG  | 3.799.788  | 35.800  | 136.032.410.400                           | 0,72%   |
| 13         | OCB  | 6.975.000  | 16.800  | 117.180.000.000                           | 0,62%   |
| 14         | PNJ  | 23.427.428 | 128.500   | 3.010.424.498.000                         | 15,97%  |
| 15         | REE  | 22.224.684 | 86.200  | 1.915.767.760.800                         | 10,16%  |
| 16         | TCB  | 40.417.000 | 35.550  | 1.436.824.350.000                         | 7,62%   |
| 17         | TCM  | 543.750    | 46.500  | 25.284.375.000                            | 0,13%   |
| 18         | TPB  | 16.396.225 | 27.150  | 445.157.508.750                           | 2,36%   |
| 19         | VIB  | 15.547.704 | 21.500  | 334.275.636.000                           | 1,77%   |
| 20         | VPB  | 43.377.411 | 29.000  | 1.257.944.919.000                         | 6,67%   |
| <b>V</b>   | <b>Các tài sản khác</b>                              |            |   |   |   |
| 1          | Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư |            |   | 14.034.256.800                            | 0,07%   |
| <b>VI</b>  | <b>Tiền</b>  |            |   |   |   |
| 1          | Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền     |            |   | 260.534.186.440                           | 1,38%   |
| <b>VII</b> | <b>Tổng giá trị danh mục</b>                         |            |   | <b>18.852.226.123.840</b>                 | <b>100,00%</b>  |


Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

  
 Bà Vương Thị Trâm Anh  
 Kế toán quỹ

  
 Ông Phạm Thanh Dũng  
 Kế toán trưởng



  
 Ông Beat Schurch  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu số B05g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| Chi tiêu  | Mã số     | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022 | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021 |
|---|-----------|--|--|
|   |           | VND  | VND  |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |           |  |  |
| <b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>01</b> | <b>(652.770.763.529)</b>                   | <b>4.084.633.917.320</b>                   |
| <b>Điều chỉnh cho:</b>  |           |  |  |
| Lãi do việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ  | 02        | (365.224.510.736)                          | (203.566.968.558)                          |
| Lãi do việc mua hộ chứng khoán cho các nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư                               | 02        | (14.120.159.545)                           | -  |
| Chênh lệch giảm/(tăng) thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện                      | 03        | 1.299.285.319.465                          | (3.207.791.569.503)                        |
| Chi phí trích trước   | 04        | (17.978.301)                               | (20.686.613)                               |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>                                  | <b>05</b> | <b>267.151.907.354</b>                     | <b>673.254.692.646</b>                     |
| Tăng các khoản đầu tư   | 20        | (147.746.684.334)                          | (711.458.397.739)                          |
| Giảm/(tăng) phải thu về bán các khoản đầu tư (Tăng)/giảm dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 07        | (529.588.000)                              | 30.821.921                                 |
| Tăng phải trả về mua chứng khoán đầu tư   | 10        | 38.269.970.000                             | -  |
| Tăng phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ  | 11        | -  | 221.828.333                                |
| Tăng phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ  | 14        | 9.015.217.500                              | -  |
| (Giảm)/tăng phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ                                 | 15        | (3.235.508.687)                            | 9.414.462.068                              |
| Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF   | 17        | 4.272.884.378                              | 11.173.120.003                             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>  | <b>19</b> | <b>168.870.383.211</b>                     | <b>(26.455.067.768)</b>                    |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |           |  |  |
| Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ   | 21        | 59.454.026.264                             | 19.484.989.145                             |
| Tiền chi hoán đổi lại chứng chỉ quỹ   | 22        | (11.032.489.427)                           | (4.304.527.301)                            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>   | <b>30</b> | <b>48.421.536.837</b>                      | <b>15.180.461.844</b>                      |
| <b>Tăng/(giảm) tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ (40 = 19 + 30)</b>               | <b>40</b> | <b>217.291.920.048</b>                     | <b>(11.274.605.924)</b>                    |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

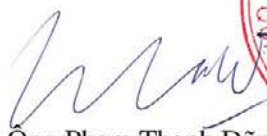


**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu số B05g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| Chi tiêu  | Mã số     | Kỳ sáu tháng                      | Kỳ sáu tháng                      |
|---|-----------|-----------------------------------|-----------------------------------|
|   |           | kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>                      | <b>50</b> | <b>43.242.266.392</b>             | <b>39.013.886.580</b>             |
| - Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF                            | 52        | 43.242.266.392                    | 13.895.784.260                    |
| - Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng                                | 52        | -                                 | 25.000.000.000                    |
| - Tiền gửi của nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF               | 53        | -                                 | 118.102.320                       |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ<br/>(Thuyết minh 4)</b> | <b>55</b> | <b>260.534.186.440</b>            | <b>27.739.280.656</b>             |
| - Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF                            | 57        | 260.534.186.440                   | 27.532.325.531                    |
| - Tiền gửi của nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF               | 58        | -                                 | 206.955.125                       |
| <b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>         | <b>60</b> | <b>217.291.920.048</b>            | <b>(11.274.605.924)</b>           |

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam


Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởngÔng Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng số 38/GCN-UBCK vào ngày 27 tháng 2 năm 2020. Theo giấy chứng nhận này, vốn điều lệ tối thiểu dự kiến huy động của Quỹ là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam, tương đương 50 lô chứng chỉ quỹ (một lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ). Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp là 102.000.000.000 Đồng Việt Nam tương đương 10.200.000 chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ số 241/QĐ-SGDHCM ngày 7 tháng 5 năm 2020.

Quỹ đổi tên thành “Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND” theo Giấy Chứng nhận Điều chỉnh Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 13/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24 tháng 5 năm 2021.

Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung gần nhất vào ngày 21 tháng 4 năm 2022 và không bị giới hạn về thời gian hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại.

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND bao gồm các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Danh sách cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí về giá trị vốn hóa, giá trị giao dịch, tỷ lệ P/E và tỷ lệ đầu tư nước ngoài.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ đồng thời phải đảm bảo các điều sau:

- a) Quỹ không được đầu tư vào quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- b) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm (a), (b) khoản 3, Điều 9, Điều lệ Quỹ, của một tổ chức, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (a), (b), (d), (e) khoản 3, Điều 9, Điều lệ Quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- d) Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó.
- e) Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - Quỹ không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Quỹ không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Quỹ không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- f) Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- g) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu; và
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại điểm (a), (b), (c) và (e) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- c) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;

## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 3 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- e) Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật; và
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ là hàng ngày.

Quỹ không có cán bộ, công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và các lãnh thổ khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ hoán đổi danh mục có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các lãnh thổ khác.



## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Theo Thông tư 181, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm các thông tin sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày tại Thuyết minh 3(c) được đo lường theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(e) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

#### (b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

#### (i) Phân loại

Các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh được phân loại là chứng khoán kinh doanh.

#### (ii) Ghi nhận ban đầu

Danh mục chứng khoán mà Quỹ thực hiện đầu tư được ghi nhận tại ngày giao dịch.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Danh mục chứng khoán cơ cấu được hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

#### (iii) *Xác định giá trị*

Theo Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, giá trị hợp lý được sử dụng để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

#### *Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác*

Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới trước ngày định giá.

#### *Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác*

Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

#### *Trái phiếu*

- Trái phiếu niêm yết
  - Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Giá trái phiếu được xác định theo giá mua cộng lãi lũy kế trong các trường hợp sau:
    - + Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc
    - + Chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường.
- Trái phiếu chưa niêm yết
  - Giá trị trung bình (giá sạch) các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cộng lãi lũy kế.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, hoặc có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; hoặc giá trung bình nêu trên có biến động bất thường, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống sử dụng một trong các mức giá sau:
  - + Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá cộng lãi lũy kế;
  - + Sử dụng phương pháp Giá mua cộng lãi lũy kế.
- Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi được định giá theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản được định giá theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

#### Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM:
  - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; hoặc
    - + Giá mua; hoặc
    - + Giá trị sổ sách; hoặc
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
  - Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Mệnh giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.





## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC

ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản: ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày của báo cáo tình hình tài chính kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết):
  - Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
  - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
    - + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt;
    - + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 90 ngày trước ngày định giá;
    - + Giá mua;
    - + Giá trị sổ sách;
    - + Giá xác định theo Mô hình định giá đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.

#### **Chứng khoán phái sinh**

- Chứng khoán phái sinh niêm yết
  - Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
  - Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, giá được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

#### **Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### **Chứng chỉ quỹ đại chúng**

- Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết
  - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau:
    - + Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của quỹ đó được công bố thông tin trên trang web của công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở Giao dịch Chứng khoán; hoặc trên trang web của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày định giá của Quỹ; hoặc
    - + Giá mua; hoặc
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết, giá được xác định là giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ.

#### **Quyền mua cổ phiếu**

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị được xác định là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày định giá và giá thực hiện quyền nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **(iv) Dừng ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được dừng ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, phải thu từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải thu từ đơn vị đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra.

## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

### **(e) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý quỹ, phải trả từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải trả cho nhà đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

### **(f) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### **(g) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, các công cụ tài chính của Quỹ được phân loại như sau:

#### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản được nắm giữ với mục đích bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

#### **(ii) *Nợ phải trả tài chính***

##### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### (h) Thuế

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) theo hướng dẫn của Công văn số 2331/TCT-CS ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Tổng Cục Thuế ban hành (“Công văn 2331”), Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành.

Các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Các tổ chức nước ngoài nếu có giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ phải nộp thuế theo hướng dẫn tại Công văn 2331, và quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và sẽ bị Công ty Quản lý Quỹ khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay theo quy định của pháp luật.

Các nội dung trên là dựa theo quy định tại các Luật về thuế Thu nhập Cá nhân, thuế Thu nhập Doanh nghiệp, thuế Giá trị Gia tăng và Quản lý thuế, được hướng dẫn chi tiết trong các Nghị định và Thông tư liên quan và được trích dẫn cụ thể như trên cũng như hướng dẫn riêng của Tổng Cục thuế tại Công văn 2331 gửi đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục thuế Hà Nội để hướng dẫn về chính sách thuế đối với Quỹ hoán đổi danh mục. Các nội dung trên có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

#### (i) Vốn góp và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ được phân loại là vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại.

#### (i) Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành là khoản vốn góp từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu và có thể phát sinh khoản bổ sung bằng tiền trong các trường hợp sau:

- phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ tại ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi (ngày T-1);

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC

ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

- những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành;
- chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của Quỹ đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

### (ii) *Vốn góp hoán đổi lại*

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu và khoản thanh toán bằng tiền (nếu có) lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

### (iii) *Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp là khoản chênh lệch giữa giá phát hành/giá hoán đổi lại của một chứng chỉ quỹ với mệnh giá của một chứng chỉ quỹ được phát hành/hoán đổi lại và được ghi nhận cùng thời điểm với ghi nhận vốn góp phát hành/vốn góp hoán đổi lại.

### (j) *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối là số lãi hoặc lỗ từ các hoạt động của Quỹ sau khi trừ đi chi phí thuế của kỳ báo cáo.

### (k) *Chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ*

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho nhà đầu tư đều có quyền biểu quyết, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.

Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 VND, một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ. Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu của mỗi giao dịch hoán đổi là một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.

Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và làm tròn xuống lấy đến (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

#### (i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

#### (ii) Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi Quỹ nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ, kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### (m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh.

### (n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

### (o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Khi xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan cần chú ý tới bản chất mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### (p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

#### (q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ trước.

#### 4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

|  | 30/6/2022<br>VND | 31/12/2021<br>VND |
|--|------------------|-------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 260.534.186.440  | 43.242.266.392    |

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 18/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó, các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

#### Ngày 30 tháng 6 năm 2022

|                   | Giá hoán đổi/giá mua<br>VND | Giá trị thị trường tại<br>ngày 30/6/2022<br>VND | Chênh lệch do đánh giá lại<br>tại ngày 30/6/2022 |                        | Giá trị đánh giá lại<br>tại ngày 30/6/2022<br>VND |
|-------------------|-----------------------------|---|--|------------------------|---|
|                   |                             |   | Chênh lệch tăng<br>VND                           | Chênh lệch giảm<br>VND |   |
| Cổ phiếu niêm yết | 15.882.561.465.957          | 18.577.657.680.600                              | 3.190.178.521.101                                | (495.082.306.458)      | 18.577.657.680.600                                |

#### Ngày 31 tháng 12 năm 2021

|                   | Giá hoán đổi/giá mua<br>VND | Giá trị thị trường tại<br>ngày 31/12/2021<br>VND | Chênh lệch do đánh giá lại<br>tại ngày 31/12/2021 |                        | Giá trị đánh giá lại<br>tại ngày 31/12/2021<br>VND |
|-------------------|-----------------------------|--|---|------------------------|--|
|                   |                             |  | Chênh lệch tăng<br>VND                            | Chênh lệch giảm<br>VND |  |
| Cổ phiếu niêm yết | 9.758.560.181.342           | 13.755.212.515.450                               | 3.996.652.334.108                                 | -                      | 13.755.212.515.450                                 |



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 6. Chi phí phải trả

|   | 30/6/2022<br>VND | 31/12/2021<br>VND |
|---|------------------|-------------------|
| Phí kiểm toán   | 93.534.550       | 110.000.000       |
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ                                    | 13.213.999       | 18.000.000        |
| Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | 5.374.005        | 5.374.005         |
| Phí môi giới chứng khoán                                    | 3.273.150        | -                 |
|   | <hr/>            | <hr/>             |
|   | 115.395.704      | 133.374.005       |

### 7. Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ

|   | 30/6/2022<br>VND | 31/12/2021<br>VND |
|---|------------------|-------------------|
| Phải trả cho nhà đầu tư về giao dịch mua hộ chứng khoán mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư | 9.015.217.500    | -                 |
|   | <hr/>            | <hr/>             |

### 8. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF

|  | 30/6/2022<br>VND | 31/12/2021<br>VND |
|--|------------------|-------------------|
| Phí quản lý Quỹ  | 12.458.447.905   | 9.181.043.402     |
| Phí quản trị Quỹ   | 342.607.318      | 252.478.696       |
| Phí giám sát Quỹ   | 685.214.631      | 504.957.390       |
| Phí lưu ký chứng khoán   | 311.461.198      | 229.526.087       |
| Phí giao dịch chứng khoán  | 17.300.000       | 7.200.000         |
| Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng   | 16.500.000       | 16.500.000        |
| Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho HSX | 3.829.213.039    | 3.324.229.869     |
| Phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả cho HSX                                     | 3.063.370.428    | 2.659.383.907     |
| Phí dịch vụ tạo lập thị trường   | 2.066.415.596    | 2.342.326.386     |
|  | <hr/>            | <hr/>             |
|  | 22.790.530.115   | 18.517.645.737    |

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 9. Vốn góp của nhà đầu tư và thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 43/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 102.000.000.000 VND tương ứng với 10.200.000 chứng chỉ quỹ (“CCQ”) theo mệnh giá 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ hoán đổi danh mục nên vốn góp và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

|  | Đơn vị         | 31/12/2021          | Phát sinh trong kỳ  | 30/6/2022           |
|--|----------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| <b>Vốn góp phát hành</b>   |                |                     |                     |                     |
| Số lượng (1)   | CCQ            | 641.900.000         | 256.500.000         | 898.400.000         |
| Giá trị ghi theo mệnh giá (2)  | VND            | 6.419.000.000.000   | 2.565.000.000.000   | 8.984.000.000.000   |
| Thặng dư vốn góp phát hành (3)                                       | VND            | 4.731.493.633.978   | 4.609.184.801.264   | 9.340.678.435.242   |
| Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)                 | VND            | 11.150.493.633.978  | 7.174.184.801.264   | 18.324.678.435.242  |
| <b>Vốn góp hoán đổi lại</b>  |                |                     |                     |                     |
| Số lượng (5)   | CCQ            | (152.100.000)       | (54.600.000)        | (206.700.000)       |
| Giá trị ghi theo mệnh giá (6)  | VND            | (1.521.000.000.000) | (546.000.000.000)   | (2.067.000.000.000) |
| Thặng dư vốn góp hoán đổi lại (7)                                    | VND            | (2.187.690.701.838) | (985.124.134.427)   | (3.172.814.836.265) |
| Tổng giá trị hoán đổi lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)              | VND            | (3.708.690.701.838) | (1.531.124.134.427) | (5.239.814.836.265) |
| <b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>          |                |                     |                     |                     |
|  | CCQ            | 489.800.000         | 201.900.000         | 691.700.000         |
| <b>Giá trị vốn góp của nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b> |                |                     |                     |                     |
|  | VND            | 4.898.000.000.000   | 2.019.000.000.000   | 6.917.000.000.000   |
| <b>Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư (11) = (3) + (7)</b>              |                |                     |                     |                     |
|  | VND            | 2.543.802.932.140   | 3.624.060.666.837   | 6.167.863.598.977   |
| <b>Lợi nhuận chưa phân phối (12)</b>                                 |                |                     |                     |                     |
|  | VND            | 6.349.942.175.073   | (652.770.763.529)   | 5.697.171.411.544   |
| <b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>                       |                |                     |                     |                     |
|  | VND            | 13.791.745.107.213  | Không áp dụng       | 18.782.035.010.521  |
| <b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>                 |                |                     |                     |                     |
|  | VND/<br>CCQ    | 28.157,91           | Không áp dụng       | 27.153,44           |
| <b>NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ (15) = (13)/{(9)/100.000}</b>    |                |                     |                     |                     |
|  | NAV/<br>Lô CCQ | 2.815.791.161       | Không áp dụng       | 2.715.344.081       |

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 10. Lợi nhuận chưa phân phối

|   | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|---|---|---|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ<br>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế trong kỳ                   | 6.349.942.175.073<br>(652.770.763.529)            | 1.030.560.272.239<br>4.084.633.917.320            |
| Trong đó:   |   |   |
| <i>Lợi nhuận đã thực hiện và chưa phân phối<br/>    (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i> | <i>646.514.555.936<br/>(1.299.285.319.465)</i>    | <i>876.842.347.817<br/>3.207.791.569.503</i>      |
| Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ  | 5.697.171.411.544                                 | 5.115.194.189.559                                 |

### 11. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng

|                                    | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|------------------------------------|---|---|
| Cổ tức được chia trong kỳ          |   |   |
| ▪ Cổ tức đã nhận                   | 79.174.642.356                                    | 34.395.932.156                                    |
| ▪ Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận | 14.034.256.800                                    | -   |
|                                    | 93.208.899.156                                    | 34.395.932.156                                    |
| Tiền lãi được nhận trong kỳ        |   |   |
| ▪ Tiền lãi đã nhận                 | 175.009.449                                       | 332.966.350                                       |
|                                    | 93.383.908.605                                    | 34.728.898.506                                    |



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 12. Lãi từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư

|   | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|---|---|---|
| Lãi từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán (i)                    | 622.034.913.158                                   | 899.231.400.572                                   |
| Lãi từ việc Quỹ mua hộ chứng khoán cho các nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư | 14.120.159.545                                    | -   |
|   | <hr/>   | <hr/>   |
|   | 636.155.072.703                                   | 899.231.400.572                                   |

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(i) Lãi từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán bao gồm:

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

| Danh mục các khoản đầu tư | Tổng giá trị bán<br>và hoán đổi<br>VND<br>[1] | Giá vốn bình quân<br>gia quyền tính đến<br>cuối ngày giao dịch<br>VND<br>[2] | Lãi bán và hoán đổi<br>chứng khoán trong<br>kỳ<br>VND<br>[3] = [1] – [2] | Lãi bán và hoán<br>đổi chứng khoán<br>lũy kế đến ngày<br>30/6/2022<br>VND<br>[4] = [3] + [5] | Lãi bán và hoán<br>đổi chứng khoán<br>lũy kế đầu kỳ<br>VND<br>[5] |
|---------------------------|---|--|--|--|---|
| Cổ phiếu niêm yết         | 2.780.034.884.143                             | 2.157.999.970.985  | 622.034.913.158  | 2.987.356.646.522  | 2.365.321.733.364   |

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

| Danh mục các khoản đầu tư | Tổng giá trị bán<br>và hoán đổi<br>VND<br>[1] | Giá vốn bình quân<br>gia quyền tính đến<br>cuối ngày giao dịch<br>VND<br>[2] | Lãi bán và hoán đổi<br>chứng khoán trong<br>kỳ<br>VND<br>[3] = [1] – [2] | Lãi bán và hoán<br>đổi chứng khoán<br>lũy kế đến ngày<br>30/6/2021<br>VND<br>[4] = [3] + [5] | Lãi bán và hoán<br>đổi chứng khoán<br>lũy kế đầu kỳ<br>VND<br>[5] |
|---------------------------|---|--|--|--|---|
| Cổ phiếu niêm yết         | 3.305.940.346.273                             | 2.406.708.945.701  | 899.231.400.572  | 929.929.223.427  | 30.697.822.855  |

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**13. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

*Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022*

| Danh mục các khoản đầu tư | Giá mua theo số<br>kế toán<br>VND<br>[1] | Giá trị thị trường tại<br>ngày 30/6/2022<br>VND<br>[2] | Chênh lệch tăng<br>đánh giá lại tại ngày<br>30/6/2022<br>VND<br>[3] = [2] – [1] | Chênh lệch tăng<br>đánh giá lại tại ngày<br>31/12/2021<br>VND<br>[4] | Chênh lệch (giảm)/tăng đánh<br>giá lại các khoản đầu tư cho<br>kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND<br>[5] = [3] – [4] |
|---------------------------|--|--|---|--|--|
|                           |  |  |   |  |  |
| Khác (*)                  | -  | -  | 2.270.800.000   | -  | 2.270.800.000  |
|                           | 15.882.561.465.957                       | 18.577.657.680.600                                     | 2.697.367.014.643   | 3.996.652.334.108  | (1.299.285.319.465)  |

(\*) Đây là chênh lệch tăng chưa thực hiện của những chứng khoán mua hộ nhà đầu tư do bị hạn chế đầu tư, thể hiện chênh lệch giữa giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và giá trị hoá đơn tại ngày giao dịch hoá đơn đổi chứng chỉ quỹ ETF.

*Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021*

| Danh mục các khoản đầu tư | Giá mua theo số<br>kế toán<br>VND<br>[1] | Giá trị thị trường tại<br>ngày 30/6/2021<br>VND<br>[2] | Chênh lệch tăng<br>đánh giá lại tại ngày<br>30/6/2021<br>VND<br>[3] = [2] – [1] | Chênh lệch tăng<br>đánh giá lại tại ngày<br>31/12/2020<br>VND<br>[4] | Chênh lệch tăng đánh giá lại<br>các khoản đầu tư cho kỳ sáu<br>tháng kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND<br>[5] = [3] – [4] |
|---------------------------|--|--|---|--|---|
|                           |  |  |   |  |   |



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 14. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư

|   | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|---|---|---|
| Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư (*) | 1.817.056.092                                     | 3.465.180.821                                     |
| Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư (*) | 1.718.328.104                                     | 3.299.168.577                                     |
|   | <hr/>   | <hr/>   |
|   | 3.535.384.196                                     | 6.764.349.398                                     |

(\*) Chi phí môi giới giao dịch mua, bán các khoản đầu tư nêu trên bao gồm chủ yếu phí môi giới cho các giao dịch mua, bán các cổ phiếu niêm yết.

### 15. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF

|  | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|--|---|---|
| Phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 19)    | 1.531.685.217                                     | 986.251.625                                       |
| Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 19) | 19.700.000  | 29.400.000  |
| Phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán           | 424.279.106                                       | 296.433.365                                       |
|  | <hr/>   | <hr/>   |
|  | 1.975.664.323                                     | 1.312.084.990                                     |

### 16. Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của quỹ ETF

|   | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|---|---|---|
| Phí trả cho HSX về dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV) | 3.829.213.039                                     | 2.465.629.066                                     |
| Phí trả cho HSX về quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu                                      | 3.063.370.428                                     | 1.972.503.257                                     |
| Phí dịch vụ tạo lập thị trường  | 3.979.039.082                                     | 1.642.814.440                                     |
|   | <hr/>   | <hr/>   |
|   | 10.871.622.549                                    | 6.080.946.763                                     |

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho HSX và phí dịch vụ tạo lập thị trường theo các mức phí cụ thể như sau:

| Dịch vụ   | Biểu phí  |
|---|---|
| Phí trả cho HSX về quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (không chịu thuế giá trị gia tăng (“GTGT”))                          | <ul style="list-style-type: none"><li>NAV dưới 500 tỷ VND: 0,080% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 500 tỷ VND đến dưới 1.000 tỷ VND: 0,065% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 1.000 tỷ VND đến dưới 2.000 tỷ VND: 0,055% NAV mỗi năm;</li><li>NAV từ 2.000 tỷ VND trở lên: 0,040% NAV mỗi năm.</li></ul> |
| Phí trả cho HSX về cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV) (không chịu thuế GTGT) | <ul style="list-style-type: none"><li>0,05% NAV mỗi năm</li></ul>   |
| Phí dịch vụ tạo lập thị trường  | <ul style="list-style-type: none"><li>Tối đa 0,08% NAV mỗi năm</li></ul>  |

Phí trả cho HSX về quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối thiểu là 240 triệu VND mỗi năm (không chịu thuế GTGT).

Phí trả cho HSX về cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) tối thiểu là 50 triệu VND mỗi năm (không chịu thuế GTGT).

Các phí trên được tính theo từng kỳ định giá NAV tương ứng với ngày làm việc trong tháng. Số phí của mỗi kỳ định giá NAV được tính dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả mỗi sáu tháng một lần (“kỳ thanh toán”) đối với với phí trả HSX và được trả mỗi quý một lần đối với phí dịch vụ tạo lập thị trường. Số phí trả trong mỗi kỳ thanh toán là tổng số phí được tính theo từng kỳ định giá NAV phát sinh trong kỳ thanh toán.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 17. Chi phí hoạt động khác

|   | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|---|---|---|
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 19)   | 58.213.999  | 58.462.947  |
| Phí dịch vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ và chi phí hoạt động khác         | 109.235.912                                       | 80.156.507  |
| Trong đó:   |   |   |
| ▪ <i>Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam</i> | 39.500.000  | -   |
| ▪ <i>Phí niêm yết trả cho HSX</i>   | 30.000.000  | 30.000.000  |
| ▪ <i>Phí ngân hàng</i>  | 29.235.912  | 21.373.319  |
| ▪ <i>Phí thiết kế, in ấn, gửi thư</i>   | -   | 18.283.188  |
| ▪ <i>Phí thực hiện quyền trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam</i>          | 10.500.000  | 10.500.000  |
|   | <hr/>   | <hr/>   |
|   | 167.449.911                                       | 138.619.454                                       |

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**18. Giá trị tài sản ròng**

| Kỳ | Ngày tính NAV             | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 |                                |  |                      |
|----|---------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|--|----------------------|
|    |                           | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]   | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/ICCQ |
|    | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 13.791.745.107.213                   | 489.800.000                    | 28.157,91  |                      |
| 1  | Ngày 1 tháng 1 năm 2022   | 13.790.573.565.392                   | 489.800.000                    | 28.155,51  | (2,40)               |
| 2  | Ngày 2 tháng 1 năm 2022   | 13.790.573.565.392                   | 489.800.000                    | 28.155,51  | -                    |
| 3  | Ngày 3 tháng 1 năm 2022   | 13.790.573.565.392                   | 489.800.000                    | 28.155,51  | -                    |
| 4  | Ngày 4 tháng 1 năm 2022   | 13.879.373.895.302                   | 488.900.000                    | 28.388,98  | 233,47               |
| 5  | Ngày 5 tháng 1 năm 2022   | 13.782.837.521.061                   | 488.500.000                    | 28.214,61  | (174,37)             |
| 6  | Ngày 6 tháng 1 năm 2022   | 13.726.563.254.577                   | 487.900.000                    | 28.133,96  | (80,65)              |
| 7  | Ngày 7 tháng 1 năm 2022   | 13.624.262.212.236                   | 488.000.000                    | 27.918,57  | (215,39)             |
| 8  | Ngày 8 tháng 1 năm 2022   | 13.624.262.212.236                   | 488.000.000                    | 27.918,57  | -                    |
| 9  | Ngày 9 tháng 1 năm 2022   | 13.624.262.212.236                   | 488.000.000                    | 27.918,57  | -                    |
| 10 | Ngày 10 tháng 1 năm 2022  | 13.363.716.697.508                   | 487.700.000                    | 27.401,51  | (517,06)             |
| 11 | Ngày 11 tháng 1 năm 2022  | 13.232.274.685.103                   | 487.700.000                    | 27.131,99  | (269,52)             |
| 12 | Ngày 12 tháng 1 năm 2022  | 13.481.380.953.396                   | 487.600.000                    | 27.648,44  | 516,45               |
| 13 | Ngày 13 tháng 1 năm 2022  | 13.508.493.253.206                   | 487.100.000                    | 27.732,48  | 84,04                |
| 14 | Ngày 14 tháng 1 năm 2022  | 13.383.756.516.312                   | 486.400.000                    | 27.515,94  | (216,54)             |
| 15 | Ngày 15 tháng 1 năm 2022  | 13.383.756.516.312                   | 486.400.000                    | 27.515,94  | -                    |
| 16 | Ngày 16 tháng 1 năm 2022  | 13.383.756.516.312                   | 486.400.000                    | 27.515,94  | -                    |
| 17 | Ngày 17 tháng 1 năm 2022  | 13.092.588.481.929                   | 489.800.000                    | 26.730,47  | (785,47)             |
| 18 | Ngày 18 tháng 1 năm 2022  | 13.035.681.835.357                   | 489.800.000                    | 26.614,29  | (116,18)             |
| 19 | Ngày 19 tháng 1 năm 2022  | 13.161.455.359.185                   | 489.900.000                    | 26.865,59  | 251,30               |
| 20 | Ngày 20 tháng 1 năm 2022  | 13.296.267.519.936                   | 490.200.000                    | 27.124,16  | 258,57               |
| 21 | Ngày 21 tháng 1 năm 2022  | 13.416.376.621.148                   | 490.400.000                    | 27.358,02  | 233,86               |
| 22 | Ngày 22 tháng 1 năm 2022  | 13.416.376.621.148                   | 490.400.000                    | 27.358,02  | -                    |
| 23 | Ngày 23 tháng 1 năm 2022  | 13.416.376.621.148                   | 490.400.000                    | 27.358,02  | -                    |
| 24 | Ngày 24 tháng 1 năm 2022  | 13.205.213.767.402                   | 490.400.000                    | 26.927,43  | (430,59)             |
| 25 | Ngày 25 tháng 1 năm 2022  | 13.496.371.299.489                   | 490.400.000                    | 27.521,14  | 593,71               |
| 26 | Ngày 26 tháng 1 năm 2022  | 13.647.712.547.402                   | 490.400.000                    | 27.829,75  | 308,61               |
| 27 | Ngày 27 tháng 1 năm 2022  | 13.562.635.069.083                   | 489.200.000                    | 27.724,11  | (105,64)             |
| 28 | Ngày 28 tháng 1 năm 2022  | 13.811.526.633.347                   | 489.200.000                    | 28.232,88  | 508,77               |
| 29 | Ngày 29 tháng 1 năm 2022  | 13.811.526.633.347                   | 489.200.000                    | 28.232,88  | -                    |
| 30 | Ngày 30 tháng 1 năm 2022  | 13.811.526.633.347                   | 489.200.000                    | 28.232,88  | -                    |
| 31 | Ngày 31 tháng 1 năm 2022  | 13.811.526.633.347                   | 489.200.000                    | 28.232,88  | -                    |
| 32 | Ngày 1 tháng 2 năm 2022   | 13.810.353.264.910                   | 489.200.000                    | 28.230,48  | (2,40)               |
| 33 | Ngày 2 tháng 2 năm 2022   | 13.810.353.264.910                   | 489.200.000                    | 28.230,48  | -                    |
| 34 | Ngày 3 tháng 2 năm 2022   | 13.810.353.264.910                   | 489.200.000                    | 28.230,48  | -                    |
| 35 | Ngày 4 tháng 2 năm 2022   | 13.809.179.995.902                   | 489.200.000                    | 28.228,08  | (2,40)               |
| 36 | Ngày 5 tháng 2 năm 2022   | 13.809.179.995.902                   | 489.200.000                    | 28.228,08  | -                    |
| 37 | Ngày 6 tháng 2 năm 2022   | 13.809.179.995.902                   | 489.200.000                    | 28.228,08  | -                    |



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| Kỳ | Ngày tính NAV            | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 |                                |  |                      |
|----|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|--|----------------------|
|    |                          | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]   | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/ICCQ |
| 38 | Ngày 7 tháng 2 năm 2022  | 13.869.554.626.717                   | 488.900.000                    | 28.368,89  | 140,81               |
| 39 | Ngày 8 tháng 2 năm 2022  | 14.004.632.129.001                   | 488.800.000                    | 28.651,04  | 282,15               |
| 40 | Ngày 9 tháng 2 năm 2022  | 14.012.995.699.136                   | 488.900.000                    | 28.662,29  | 11,25                |
| 41 | Ngày 10 tháng 2 năm 2022 | 14.228.113.958.404                   | 497.000.000                    | 28.627,99  | (34,30)              |
| 42 | Ngày 11 tháng 2 năm 2022 | 14.467.182.497.594                   | 504.500.000                    | 28.676,27  | 48,28                |
| 43 | Ngày 12 tháng 2 năm 2022 | 14.467.182.497.594                   | 504.500.000                    | 28.676,27  | -                    |
| 44 | Ngày 13 tháng 2 năm 2022 | 14.467.182.497.594                   | 504.500.000                    | 28.676,27  | -                    |
| 45 | Ngày 14 tháng 2 năm 2022 | 14.086.668.413.483                   | 504.300.000                    | 27.933,11  | (743,16)             |
| 46 | Ngày 15 tháng 2 năm 2022 | 14.248.755.118.258                   | 504.500.000                    | 28.243,32  | 310,21               |
| 47 | Ngày 16 tháng 2 năm 2022 | 14.294.434.919.155                   | 504.400.000                    | 28.339,48  | 96,16                |
| 48 | Ngày 17 tháng 2 năm 2022 | 14.466.336.262.047                   | 504.400.000                    | 28.680,28  | 340,80               |
| 49 | Ngày 18 tháng 2 năm 2022 | 14.384.649.914.772                   | 504.600.000                    | 28.507,03  | (173,25)             |
| 50 | Ngày 19 tháng 2 năm 2022 | 14.384.649.914.772                   | 504.600.000                    | 28.507,03  | -                    |
| 51 | Ngày 20 tháng 2 năm 2022 | 14.384.649.914.772                   | 504.600.000                    | 28.507,03  | -                    |
| 52 | Ngày 21 tháng 2 năm 2022 | 14.412.731.331.507                   | 504.600.000                    | 28.562,68  | 55,65                |
| 53 | Ngày 22 tháng 2 năm 2022 | 14.547.755.032.684                   | 504.000.000                    | 28.864,59  | 301,91               |
| 54 | Ngày 23 tháng 2 năm 2022 | 14.543.530.420.726                   | 501.100.000                    | 29.023,20  | 158,61               |
| 55 | Ngày 24 tháng 2 năm 2022 | 14.424.428.835.928                   | 501.700.000                    | 28.751,10  | (272,10)             |
| 56 | Ngày 25 tháng 2 năm 2022 | 14.546.105.683.102                   | 503.200.000                    | 28.907,20  | 156,10               |
| 57 | Ngày 26 tháng 2 năm 2022 | 14.546.105.683.102                   | 503.200.000                    | 28.907,20  | -                    |
| 58 | Ngày 27 tháng 2 năm 2022 | 14.546.105.683.102                   | 503.200.000                    | 28.907,20  | -                    |
| 59 | Ngày 28 tháng 2 năm 2022 | 14.440.075.917.226                   | 503.200.000                    | 28.696,49  | (210,71)             |
| 60 | Ngày 1 tháng 3 năm 2022  | 14.612.310.274.015                   | 508.300.000                    | 28.747,41  | 50,92                |
| 61 | Ngày 2 tháng 3 năm 2022  | 14.692.637.324.925                   | 520.800.000                    | 28.211,66  | (535,75)             |
| 62 | Ngày 3 tháng 3 năm 2022  | 14.888.267.639.965                   | 521.000.000                    | 28.576,32  | 364,66               |
| 63 | Ngày 4 tháng 3 năm 2022  | 14.920.792.750.677                   | 519.800.000                    | 28.704,87  | 128,55               |
| 64 | Ngày 5 tháng 3 năm 2022  | 14.920.792.750.677                   | 519.800.000                    | 28.704,87  | -                    |
| 65 | Ngày 6 tháng 3 năm 2022  | 14.920.792.750.677                   | 519.800.000                    | 28.704,87  | -                    |
| 66 | Ngày 7 tháng 3 năm 2022  | 14.764.570.229.820                   | 518.600.000                    | 28.470,05  | (234,82)             |
| 67 | Ngày 8 tháng 3 năm 2022  | 14.559.249.994.179                   | 517.500.000                    | 28.133,81  | (336,24)             |
| 68 | Ngày 9 tháng 3 năm 2022  | 14.454.590.545.383                   | 511.200.000                    | 28.275,80  | 141,99               |
| 69 | Ngày 10 tháng 3 năm 2022 | 14.410.445.044.970                   | 511.100.000                    | 28.194,96  | (80,84)              |
| 70 | Ngày 11 tháng 3 năm 2022 | 14.228.923.622.285                   | 509.100.000                    | 27.949,17  | (245,79)             |
| 71 | Ngày 12 tháng 3 năm 2022 | 14.228.923.622.285                   | 509.100.000                    | 27.949,17  | -                    |
| 72 | Ngày 13 tháng 3 năm 2022 | 14.228.923.622.285                   | 509.100.000                    | 27.949,17  | -                    |
| 73 | Ngày 14 tháng 3 năm 2022 | 14.043.592.302.510                   | 509.100.000                    | 27.585,13  | (364,04)             |
| 74 | Ngày 15 tháng 3 năm 2022 | 14.092.575.889.894                   | 507.400.000                    | 27.774,09  | 188,96               |
| 75 | Ngày 16 tháng 3 năm 2022 | 14.016.525.142.250                   | 503.300.000                    | 27.849,24  | 75,15                |
| 76 | Ngày 17 tháng 3 năm 2022 | 13.980.068.257.850                   | 501.300.000                    | 27.887,62  | 38,38                |
| 77 | Ngày 18 tháng 3 năm 2022 | 14.032.618.278.073                   | 500.100.000                    | 28.059,62  | 172,00               |

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| Kỳ  | Ngày tính NAV            | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 |                                |  |                      |
|-----|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|--|----------------------|
|     |                          | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]   | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/ICCQ |
| 78  | Ngày 19 tháng 3 năm 2022 | 14.032.618.278.073                   | 500.100.000                    | 28.059,62  | -                    |
| 79  | Ngày 20 tháng 3 năm 2022 | 14.032.618.278.073                   | 500.100.000                    | 28.059,62  | -                    |
| 80  | Ngày 21 tháng 3 năm 2022 | 14.304.341.768.569                   | 503.600.000                    | 28.404,17  | 344,55               |
| 81  | Ngày 22 tháng 3 năm 2022 | 14.428.943.330.918                   | 503.600.000                    | 28.651,59  | 247,42               |
| 82  | Ngày 23 tháng 3 năm 2022 | 14.496.088.758.856                   | 507.600.000                    | 28.558,09  | (93,50)              |
| 83  | Ngày 24 tháng 3 năm 2022 | 14.677.801.753.121                   | 511.500.000                    | 28.695,60  | 137,51               |
| 84  | Ngày 25 tháng 3 năm 2022 | 14.740.172.382.440                   | 511.200.000                    | 28.834,45  | 138,85               |
| 85  | Ngày 26 tháng 3 năm 2022 | 14.740.172.382.440                   | 511.200.000                    | 28.834,45  | -                    |
| 86  | Ngày 27 tháng 3 năm 2022 | 14.740.172.382.440                   | 511.200.000                    | 28.834,45  | -                    |
| 87  | Ngày 28 tháng 3 năm 2022 | 14.963.536.461.780                   | 516.200.000                    | 28.987,86  | 153,41               |
| 88  | Ngày 29 tháng 3 năm 2022 | 15.308.010.566.388                   | 516.200.000                    | 29.655,19  | 667,33               |
| 89  | Ngày 30 tháng 3 năm 2022 | 15.271.824.137.459                   | 515.200.000                    | 29.642,51  | (12,68)              |
| 90  | Ngày 31 tháng 3 năm 2022 | 15.486.009.740.868                   | 517.700.000                    | 29.913,09  | 270,58               |
| 91  | Ngày 1 tháng 4 năm 2022  | 16.067.667.169.299                   | 518.800.000                    | 30.970,83  | 1.057,74             |
| 92  | Ngày 2 tháng 4 năm 2022  | 16.067.667.169.299                   | 518.800.000                    | 30.970,83  | -                    |
| 93  | Ngày 3 tháng 4 năm 2022  | 16.067.667.169.299                   | 518.800.000                    | 30.970,83  | -                    |
| 94  | Ngày 4 tháng 4 năm 2022  | 16.005.338.986.880                   | 520.100.000                    | 30.773,58  | (197,25)             |
| 95  | Ngày 5 tháng 4 năm 2022  | 16.104.407.453.116                   | 526.200.000                    | 30.605,10  | (168,48)             |
| 96  | Ngày 6 tháng 4 năm 2022  | 16.456.959.578.885                   | 529.000.000                    | 31.109,56  | 504,46               |
| 97  | Ngày 7 tháng 4 năm 2022  | 16.252.212.941.866                   | 529.000.000                    | 30.722,51  | (387,05)             |
| 98  | Ngày 8 tháng 4 năm 2022  | 15.954.376.317.837                   | 529.000.000                    | 30.159,50  | (563,01)             |
| 99  | Ngày 9 tháng 4 năm 2022  | 15.954.376.317.837                   | 529.000.000                    | 30.159,50  | -                    |
| 100 | Ngày 10 tháng 4 năm 2022 | 15.954.376.317.837                   | 529.000.000                    | 30.159,50  | -                    |
| 101 | Ngày 11 tháng 4 năm 2022 | 15.954.376.317.837                   | 529.000.000                    | 30.159,50  | -                    |
| 102 | Ngày 12 tháng 4 năm 2022 | 15.865.541.958.151                   | 531.600.000                    | 29.844,88  | (314,62)             |
| 103 | Ngày 13 tháng 4 năm 2022 | 16.299.350.291.950                   | 534.100.000                    | 30.517,41  | 672,53               |
| 104 | Ngày 14 tháng 4 năm 2022 | 16.396.832.481.809                   | 534.100.000                    | 30.699,92  | 182,51               |
| 105 | Ngày 15 tháng 4 năm 2022 | 16.274.088.362.436                   | 534.300.000                    | 30.458,70  | (241,22)             |
| 106 | Ngày 16 tháng 4 năm 2022 | 16.274.088.362.436                   | 534.300.000                    | 30.458,70  | -                    |
| 107 | Ngày 17 tháng 4 năm 2022 | 16.274.088.362.436                   | 534.300.000                    | 30.458,70  | -                    |
| 108 | Ngày 18 tháng 4 năm 2022 | 16.246.804.409.838                   | 534.600.000                    | 30.390,58  | (68,12)              |
| 109 | Ngày 19 tháng 4 năm 2022 | 15.838.048.659.369                   | 535.500.000                    | 29.576,18  | (814,40)             |
| 110 | Ngày 20 tháng 4 năm 2022 | 15.729.400.266.673                   | 536.500.000                    | 29.318,54  | (257,64)             |
| 111 | Ngày 21 tháng 4 năm 2022 | 15.751.569.948.794                   | 537.800.000                    | 29.288,89  | (29,65)              |
| 112 | Ngày 22 tháng 4 năm 2022 | 15.689.953.696.940                   | 539.000.000                    | 29.109,37  | (179,52)             |
| 113 | Ngày 23 tháng 4 năm 2022 | 15.689.953.696.940                   | 539.000.000                    | 29.109,37  | -                    |
| 114 | Ngày 24 tháng 4 năm 2022 | 15.689.953.696.940                   | 539.000.000                    | 29.109,37  | -                    |
| 115 | Ngày 25 tháng 4 năm 2022 | 14.754.813.801.553                   | 541.800.000                    | 27.232,95  | (1.876,42)           |
| 116 | Ngày 26 tháng 4 năm 2022 | 15.178.185.470.539                   | 544.500.000                    | 27.875,45  | 642,50               |
| 117 | Ngày 27 tháng 4 năm 2022 | 15.232.248.323.721                   | 547.700.000                    | 27.811,29  | (64,16)              |

12042

NHÀ  
SỞ TÀI  
PMG

HỒ CH

M C



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu số B06g – ETF

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| Kỳ  | Ngày tính NAV            | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 |                                |  |                      |
|-----|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|--|----------------------|
|     |                          | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]   | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/ICCQ |
| 118 | Ngày 28 tháng 4 năm 2022 | 15.319.146.187.970                   | 547.700.000                    | 27.969,95  | 158,66               |
| 119 | Ngày 29 tháng 4 năm 2022 | 15.607.663.804.825                   | 547.700.000                    | 28.496,73  | 526,78               |
| 120 | Ngày 30 tháng 4 năm 2022 | 15.607.663.804.825                   | 547.700.000                    | 28.496,73  | -                    |
| 121 | Ngày 1 tháng 5 năm 2022  | 15.606.408.949.970                   | 547.700.000                    | 28.494,44  | (2,29)               |
| 122 | Ngày 2 tháng 5 năm 2022  | 15.606.408.949.970                   | 547.700.000                    | 28.494,44  | -                    |
| 123 | Ngày 3 tháng 5 năm 2022  | 15.606.408.949.970                   | 547.700.000                    | 28.494,44  | -                    |
| 124 | Ngày 4 tháng 5 năm 2022  | 15.435.160.677.994                   | 547.700.000                    | 28.181,77  | (312,67)             |
| 125 | Ngày 5 tháng 5 năm 2022  | 15.501.874.452.117                   | 547.700.000                    | 28.303,58  | 121,81               |
| 126 | Ngày 6 tháng 5 năm 2022  | 15.159.174.567.147                   | 547.700.000                    | 27.677,87  | (625,71)             |
| 127 | Ngày 7 tháng 5 năm 2022  | 15.159.174.567.147                   | 547.700.000                    | 27.677,87  | -                    |
| 128 | Ngày 8 tháng 5 năm 2022  | 15.159.174.567.147                   | 547.700.000                    | 27.677,87  | -                    |
| 129 | Ngày 9 tháng 5 năm 2022  | 14.230.402.794.450                   | 547.700.000                    | 25.982,11  | (1.695,76)           |
| 130 | Ngày 10 tháng 5 năm 2022 | 14.740.030.797.162                   | 549.800.000                    | 26.809,80  | 827,69               |
| 131 | Ngày 11 tháng 5 năm 2022 | 15.190.171.437.795                   | 553.100.000                    | 27.463,69  | 653,89               |
| 132 | Ngày 12 tháng 5 năm 2022 | 14.362.781.338.097                   | 555.000.000                    | 25.878,88  | (1.584,81)           |
| 133 | Ngày 13 tháng 5 năm 2022 | 13.572.593.882.006                   | 555.000.000                    | 24.455,12  | (1.423,76)           |
| 134 | Ngày 14 tháng 5 năm 2022 | 13.572.593.882.006                   | 555.000.000                    | 24.455,12  | -                    |
| 135 | Ngày 15 tháng 5 năm 2022 | 13.572.593.882.006                   | 555.000.000                    | 24.455,12  | -                    |
| 136 | Ngày 16 tháng 5 năm 2022 | 14.061.129.778.576                   | 581.300.000                    | 24.189,11  | (266,01)             |
| 137 | Ngày 17 tháng 5 năm 2022 | 15.012.343.695.170                   | 583.100.000                    | 25.745,74  | 1.556,63             |
| 138 | Ngày 18 tháng 5 năm 2022 | 15.213.893.776.396                   | 588.900.000                    | 25.834,42  | 88,68                |
| 139 | Ngày 19 tháng 5 năm 2022 | 15.288.764.171.127                   | 592.600.000                    | 25.799,46  | (34,96)              |
| 140 | Ngày 20 tháng 5 năm 2022 | 15.445.864.506.072                   | 593.900.000                    | 26.007,51  | 208,05               |
| 141 | Ngày 21 tháng 5 năm 2022 | 15.445.864.506.072                   | 593.900.000                    | 26.007,51  | -                    |
| 142 | Ngày 22 tháng 5 năm 2022 | 15.445.864.506.072                   | 593.900.000                    | 26.007,51  | -                    |
| 143 | Ngày 23 tháng 5 năm 2022 | 15.208.240.290.428                   | 598.100.000                    | 25.427,58  | (579,93)             |
| 144 | Ngày 24 tháng 5 năm 2022 | 15.608.257.286.811                   | 602.400.000                    | 25.910,12  | 482,54               |
| 145 | Ngày 25 tháng 5 năm 2022 | 16.476.907.089.591                   | 604.300.000                    | 27.266,10  | 1.355,98             |
| 146 | Ngày 26 tháng 5 năm 2022 | 16.514.988.253.773                   | 604.200.000                    | 27.333,64  | 67,54                |
| 147 | Ngày 27 tháng 5 năm 2022 | 17.502.856.108.405                   | 612.700.000                    | 28.566,76  | 1.233,12             |
| 148 | Ngày 28 tháng 5 năm 2022 | 17.502.856.108.405                   | 612.700.000                    | 28.566,76  | -                    |
| 149 | Ngày 29 tháng 5 năm 2022 | 17.502.856.108.405                   | 612.700.000                    | 28.566,76  | -                    |
| 150 | Ngày 30 tháng 5 năm 2022 | 17.713.314.150.568                   | 616.900.000                    | 28.713,42  | 146,66               |
| 151 | Ngày 31 tháng 5 năm 2022 | 18.590.449.192.488                   | 660.300.000                    | 28.154,54  | (558,88)             |
| 152 | Ngày 1 tháng 6 năm 2022  | 19.033.796.808.584                   | 669.300.000                    | 28.438,36  | 283,82               |
| 153 | Ngày 2 tháng 6 năm 2022  | 19.107.601.088.889                   | 670.800.000                    | 28.484,79  | 46,43                |
| 154 | Ngày 3 tháng 6 năm 2022  | 19.308.779.657.799                   | 670.200.000                    | 28.810,47  | 325,68               |
| 155 | Ngày 4 tháng 6 năm 2022  | 19.308.779.657.799                   | 670.200.000                    | 28.810,47  | -                    |
| 156 | Ngày 5 tháng 6 năm 2022  | 19.308.779.657.799                   | 670.200.000                    | 28.810,47  | -                    |
| 157 | Ngày 6 tháng 6 năm 2022  | 19.284.242.439.363                   | 670.000.000                    | 28.782,45  | (28,02)              |

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu số B06g – ETF

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022</b> |   |                          |                                |  |                         |
|---|---|--------------------------|--------------------------------|--|-------------------------|
| Kỳ  | Ngày tính NAV                               | Giá trị tài sản          | Số lượng                       | NAV/ICCQ   | Tăng/(giảm)<br>NAV/ICCQ |
|   |   | ròng (NAV)<br>VND<br>[1] | chứng chỉ<br>quỹ<br>CCQ<br>[2] | tại ngày tính<br>NAV<br>VND/CCQ<br>[3] = [1]/[2] |                         |
| 158   | Ngày 7 tháng 6 năm 2022                     | 19.512.940.431.378       | 672.400.000                    | 29.019,84  | 237,39                  |
| 159   | Ngày 8 tháng 6 năm 2022                     | 20.080.254.361.409       | 682.700.000                    | 29.412,99  | 393,15                  |
| 160   | Ngày 9 tháng 6 năm 2022                     | 20.052.586.915.856       | 683.800.000                    | 29.325,22  | (87,77)                 |
| 161   | Ngày 10 tháng 6 năm 2022                    | 19.451.423.456.067       | 685.700.000                    | 28.367,25  | (957,97)                |
| 162   | Ngày 11 tháng 6 năm 2022                    | 19.451.423.456.067       | 685.700.000                    | 28.367,25  | -                       |
| 163   | Ngày 12 tháng 6 năm 2022                    | 19.451.423.456.067       | 685.700.000                    | 28.367,25  | -                       |
| 164   | Ngày 13 tháng 6 năm 2022                    | 18.370.500.590.639       | 687.400.000                    | 26.724,61  | (1.642,64)              |
| 165   | Ngày 14 tháng 6 năm 2022                    | 18.682.370.894.984       | 687.600.000                    | 27.170,40  | 445,79                  |
| 166   | Ngày 15 tháng 6 năm 2022                    | 18.619.710.418.377       | 681.900.000                    | 27.305,63  | 135,23                  |
| 167   | Ngày 16 tháng 6 năm 2022                    | 19.196.778.537.519       | 681.900.000                    | 28.151,89  | 846,26                  |
| 168   | Ngày 17 tháng 6 năm 2022                    | 18.864.507.123.120       | 680.900.000                    | 27.705,25  | (446,64)                |
| 169   | Ngày 18 tháng 6 năm 2022                    | 18.864.507.123.120       | 680.900.000                    | 27.705,25  | -                       |
| 170   | Ngày 19 tháng 6 năm 2022                    | 18.864.507.123.120       | 680.900.000                    | 27.705,25  | -                       |
| 171   | Ngày 20 tháng 6 năm 2022                    | 18.218.301.588.481       | 680.500.000                    | 26.771,93  | (933,32)                |
| 172   | Ngày 21 tháng 6 năm 2022                    | 17.988.763.371.465       | 681.100.000                    | 26.411,33  | (360,60)                |
| 173   | Ngày 22 tháng 6 năm 2022                    | 17.766.554.732.423       | 683.600.000                    | 25.989,69  | (421,64)                |
| 174   | Ngày 23 tháng 6 năm 2022                    | 18.416.211.232.311       | 687.600.000                    | 26.783,32  | 793,63                  |
| 175   | Ngày 24 tháng 6 năm 2022                    | 18.433.297.533.983       | 689.700.000                    | 26.726,54  | (56,78)                 |
| 176   | Ngày 25 tháng 6 năm 2022                    | 18.433.297.533.983       | 689.700.000                    | 26.726,54  | -                       |
| 177   | Ngày 26 tháng 6 năm 2022                    | 18.433.297.533.983       | 689.700.000                    | 26.726,54  | -                       |
| 178   | Ngày 27 tháng 6 năm 2022                    | 18.738.258.556.845       | 690.200.000                    | 27.149,02  | 422,48                  |
| 179   | Ngày 28 tháng 6 năm 2022                    | 19.176.402.666.092       | 690.800.000                    | 27.759,70  | 610,68                  |
| 180   | Ngày 29 tháng 6 năm 2022                    | 19.186.405.505.520       | 691.400.000                    | 27.750,08  | (9,62)                  |
| 181   | Ngày 30 tháng 6 năm 2022                    | 18.782.035.010.521       | 691.700.000                    | 27.153,44  | (596,64)                |
| <br>  |   |                          |                                |  |                         |
| •   | Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ     | 15.442.933.035.530       | Không áp dụng                  | Không áp dụng                                    | Không áp dụng           |
| •   | Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất  | Không áp dụng            | Không áp dụng                  | Không áp dụng                                    | (1.876,42)              |
| •   | Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất | Không áp dụng            | Không áp dụng                  | Không áp dụng                                    | (2,29)                  |



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

|    |                           | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021</b> |                                |  |             |
|----|---------------------------|---|--------------------------------|--|-------------|
| Kỳ | Ngày tính NAV             | Giá trị tài sản                             | Số lượng                       | NAV/ICCG   | Tăng/(giảm) |
|    |                           | ròng (NAV)<br>VND<br>[1]                    | chứng chỉ<br>quỹ<br>CCQ<br>[2] | tại ngày tính<br>NAV<br>VND/CCQ<br>[3] = [1]/[2] |             |
|    | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 5.280.430.128.341                           | 311.100.000                    | 16.973,41  |             |
| 1  | Ngày 1 tháng 1 năm 2021   | 5.280.010.319.349                           | 311.100.000                    | 16.972,06  | (1,35)      |
| 2  | Ngày 2 tháng 1 năm 2021   | 5.280.010.319.349                           | 311.100.000                    | 16.972,06  | -           |
| 3  | Ngày 3 tháng 1 năm 2021   | 5.280.010.319.349                           | 311.100.000                    | 16.972,06  | -           |
| 4  | Ngày 4 tháng 1 năm 2021   | 5.489.295.422.131                           | 315.300.000                    | 17.409,75  | 437,69      |
| 5  | Ngày 5 tháng 1 năm 2021   | 5.577.240.708.812                           | 316.300.000                    | 17.632,75  | 223,00      |
| 6  | Ngày 6 tháng 1 năm 2021   | 5.637.290.248.809                           | 317.300.000                    | 17.766,43  | 133,68      |
| 7  | Ngày 7 tháng 1 năm 2021   | 5.739.959.466.639                           | 318.300.000                    | 18.033,17  | 266,74      |
| 8  | Ngày 8 tháng 1 năm 2021   | 5.847.216.871.381                           | 320.200.000                    | 18.261,13  | 227,96      |
| 9  | Ngày 9 tháng 1 năm 2021   | 5.847.216.871.381                           | 320.200.000                    | 18.261,13  | -           |
| 10 | Ngày 10 tháng 1 năm 2021  | 5.847.216.871.381                           | 320.200.000                    | 18.261,13  | -           |
| 11 | Ngày 11 tháng 1 năm 2021  | 5.968.266.179.690                           | 323.600.000                    | 18.443,34  | 182,21      |
| 12 | Ngày 12 tháng 1 năm 2021  | 6.098.667.508.457                           | 328.400.000                    | 18.570,85  | 127,51      |
| 13 | Ngày 13 tháng 1 năm 2021  | 6.180.975.075.741                           | 332.600.000                    | 18.583,80  | 12,95       |
| 14 | Ngày 14 tháng 1 năm 2021  | 6.415.178.519.717                           | 342.200.000                    | 18.746,86  | 163,06      |
| 15 | Ngày 15 tháng 1 năm 2021  | 6.531.002.423.975                           | 344.300.000                    | 18.968,92  | 222,06      |
| 16 | Ngày 16 tháng 1 năm 2021  | 6.531.002.423.975                           | 344.300.000                    | 18.968,92  | -           |
| 17 | Ngày 17 tháng 1 năm 2021  | 6.531.002.423.975                           | 344.300.000                    | 18.968,92  | -           |
| 18 | Ngày 18 tháng 1 năm 2021  | 6.507.272.455.233                           | 346.700.000                    | 18.769,17  | (199,75)    |
| 19 | Ngày 19 tháng 1 năm 2021  | 6.284.053.235.714                           | 355.600.000                    | 17.671,69  | (1.097,48)  |
| 20 | Ngày 20 tháng 1 năm 2021  | 6.363.411.395.719                           | 356.400.000                    | 17.854,68  | 182,99      |
| 21 | Ngày 21 tháng 1 năm 2021  | 6.692.753.595.103                           | 362.200.000                    | 18.478,06  | 623,38      |
| 22 | Ngày 22 tháng 1 năm 2021  | 6.834.117.117.712                           | 366.300.000                    | 18.657,15  | 179,09      |
| 23 | Ngày 23 tháng 1 năm 2021  | 6.834.117.117.712                           | 366.300.000                    | 18.657,15  | -           |
| 24 | Ngày 24 tháng 1 năm 2021  | 6.834.117.117.712                           | 366.300.000                    | 18.657,15  | -           |
| 25 | Ngày 25 tháng 1 năm 2021  | 6.904.578.362.941                           | 367.700.000                    | 18.777,74  | 120,59      |
| 26 | Ngày 26 tháng 1 năm 2021  | 6.807.103.044.075                           | 369.900.000                    | 18.402,54  | (375,20)    |
| 27 | Ngày 27 tháng 1 năm 2021  | 6.727.764.317.874                           | 378.200.000                    | 17.788,90  | (613,64)    |
| 28 | Ngày 28 tháng 1 năm 2021  | 6.358.815.748.933                           | 383.400.000                    | 16.585,33  | (1.203,57)  |
| 29 | Ngày 29 tháng 1 năm 2021  | 6.629.597.892.572                           | 383.400.000                    | 17.291,59  | 706,26      |
| 30 | Ngày 30 tháng 1 năm 2021  | 6.629.597.892.572                           | 383.400.000                    | 17.291,59  | -           |
| 31 | Ngày 31 tháng 1 năm 2021  | 6.629.597.892.572                           | 383.400.000                    | 17.291,59  | -           |
| 32 | Ngày 1 tháng 2 năm 2021   | 6.467.677.309.475                           | 383.400.000                    | 16.869,26  | (422,33)    |
| 33 | Ngày 2 tháng 2 năm 2021   | 6.728.233.408.981                           | 383.400.000                    | 17.548,86  | 679,60      |
| 34 | Ngày 3 tháng 2 năm 2021   | 6.951.731.431.170                           | 383.400.000                    | 18.131,79  | 582,93      |
| 35 | Ngày 4 tháng 2 năm 2021   | 7.481.224.846.602                           | 407.500.000                    | 18.358,83  | 227,04      |
| 36 | Ngày 5 tháng 2 năm 2021   | 7.897.778.945.790                           | 423.100.000                    | 18.666,45  | 307,62      |
| 37 | Ngày 6 tháng 2 năm 2021   | 7.897.778.945.790                           | 423.100.000                    | 18.666,45  | -           |
| 38 | Ngày 7 tháng 2 năm 2021   | 7.897.778.945.790                           | 423.100.000                    | 18.666,45  | -           |
| 39 | Ngày 8 tháng 2 năm 2021   | 7.873.135.429.920                           | 434.700.000                    | 18.111,65  | (554,80)    |

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021</b> |                          |                        |                  |                      |                      |
|---|--------------------------|------------------------|------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Kỳ</b>                                   | <b>Ngày tính NAV</b>     | <b>Giá trị tài sản</b> | <b>Số lượng</b>  | <b>NAV/ICCG</b>      | <b>Tăng/(giảm)</b>   |
|   |                          | <b>ròng (NAV)</b>      | <b>chứng chỉ</b> | <b>tại ngày tính</b> |                      |
|   |                          | <b>VND</b>             | <b>quỹ</b>       | <b>NAV</b>           | <b>NAV/ICCG</b>      |
|   |                          | <b>[1]</b>             | <b>CCQ</b>       | <b>VND/CCQ</b>       | <b>[3] = [1]/[2]</b> |
| 40  | Ngày 9 tháng 2 năm 2021  | 8.179.572.152.897      | 436.400.000      | 18.743,29            | 631,64               |
| 41  | Ngày 10 tháng 2 năm 2021 | 8.179.572.152.897      | 436.400.000      | 18.743,29            | -                    |
| 42  | Ngày 11 tháng 2 năm 2021 | 8.179.572.152.897      | 436.400.000      | 18.743,29            | -                    |
| 43  | Ngày 12 tháng 2 năm 2021 | 8.178.474.336.447      | 436.400.000      | 18.740,77            | (2,52)               |
| 44  | Ngày 13 tháng 2 năm 2021 | 8.178.474.336.447      | 436.400.000      | 18.740,77            | -                    |
| 45  | Ngày 14 tháng 2 năm 2021 | 8.178.474.336.447      | 436.400.000      | 18.740,77            | -                    |
| 46  | Ngày 15 tháng 2 năm 2021 | 8.178.474.336.447      | 436.400.000      | 18.740,77            | -                    |
| 47  | Ngày 16 tháng 2 năm 2021 | 8.178.474.336.447      | 436.400.000      | 18.740,77            | -                    |
| 48  | Ngày 17 tháng 2 năm 2021 | 8.643.368.856.930      | 438.500.000      | 19.711,21            | 970,44               |
| 49  | Ngày 18 tháng 2 năm 2021 | 8.760.998.353.670      | 439.600.000      | 19.929,47            | 218,26               |
| 50  | Ngày 19 tháng 2 năm 2021 | 8.814.075.080.493      | 445.600.000      | 19.780,24            | (149,23)             |
| 51  | Ngày 20 tháng 2 năm 2021 | 8.814.075.080.493      | 445.600.000      | 19.780,24            | -                    |
| 52  | Ngày 21 tháng 2 năm 2021 | 8.814.075.080.493      | 445.600.000      | 19.780,24            | -                    |
| 53  | Ngày 22 tháng 2 năm 2021 | 8.850.623.884.001      | 448.800.000      | 19.720,64            | (59,60)              |
| 54  | Ngày 23 tháng 2 năm 2021 | 8.833.136.301.314      | 448.900.000      | 19.677,29            | (43,35)              |
| 55  | Ngày 24 tháng 2 năm 2021 | 8.751.218.593.045      | 449.700.000      | 19.460,12            | (217,17)             |
| 56  | Ngày 25 tháng 2 năm 2021 | 8.818.333.892.425      | 450.800.000      | 19.561,52            | 101,40               |
| 57  | Ngày 26 tháng 2 năm 2021 | 8.851.451.560.778      | 451.300.000      | 19.613,23            | 51,71                |
| 58  | Ngày 27 tháng 2 năm 2021 | 8.851.451.560.778      | 451.300.000      | 19.613,23            | -                    |
| 59  | Ngày 28 tháng 2 năm 2021 | 8.851.451.560.778      | 451.300.000      | 19.613,23            | -                    |
| 60  | Ngày 1 tháng 3 năm 2021  | 8.989.921.540.294      | 451.400.000      | 19.915,64            | 302,41               |
| 61  | Ngày 2 tháng 3 năm 2021  | 9.003.769.123.926      | 451.700.000      | 19.933,07            | 17,43                |
| 62  | Ngày 3 tháng 3 năm 2021  | 9.057.689.998.579      | 453.000.000      | 19.994,90            | 61,83                |
| 63  | Ngày 4 tháng 3 năm 2021  | 8.870.762.341.716      | 453.700.000      | 19.552,04            | (442,86)             |
| 64  | Ngày 5 tháng 3 năm 2021  | 8.919.325.296.153      | 456.300.000      | 19.547,06            | (4,98)               |
| 65  | Ngày 6 tháng 3 năm 2021  | 8.919.325.296.153      | 456.300.000      | 19.547,06            | -                    |
| 66  | Ngày 7 tháng 3 năm 2021  | 8.919.325.296.153      | 456.300.000      | 19.547,06            | -                    |
| 67  | Ngày 8 tháng 3 năm 2021  | 8.900.527.825.851      | 457.200.000      | 19.467,47            | (79,59)              |
| 68  | Ngày 9 tháng 3 năm 2021  | 8.851.763.388.912      | 457.900.000      | 19.331,21            | (136,26)             |
| 69  | Ngày 10 tháng 3 năm 2021 | 9.047.632.973.754      | 462.400.000      | 19.566,68            | 235,47               |
| 70  | Ngày 11 tháng 3 năm 2021 | 9.183.557.477.114      | 463.100.000      | 19.830,61            | 263,93               |
| 71  | Ngày 12 tháng 3 năm 2021 | 9.287.712.725.601      | 469.100.000      | 19.799,00            | (31,61)              |
| 72  | Ngày 13 tháng 3 năm 2021 | 9.287.712.725.601      | 469.100.000      | 19.799,00            | -                    |
| 73  | Ngày 14 tháng 3 năm 2021 | 9.287.712.725.601      | 469.100.000      | 19.799,00            | -                    |
| 74  | Ngày 15 tháng 3 năm 2021 | 9.370.768.015.700      | 470.300.000      | 19.925,08            | 126,08               |
| 75  | Ngày 16 tháng 3 năm 2021 | 9.462.555.852.216      | 472.100.000      | 20.043,54            | 118,46               |
| 76  | Ngày 17 tháng 3 năm 2021 | 9.709.710.622.126      | 481.900.000      | 20.148,80            | 105,26               |
| 77  | Ngày 18 tháng 3 năm 2021 | 9.901.085.710.122      | 485.100.000      | 20.410,40            | 261,60               |
| 78  | Ngày 19 tháng 3 năm 2021 | 9.919.562.430.069      | 487.200.000      | 20.360,34            | (50,06)              |
| 79  | Ngày 20 tháng 3 năm 2021 | 9.919.562.430.069      | 487.200.000      | 20.360,34            | -                    |



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu số B06g – ETF

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| Kỳ  | Ngày tính NAV            | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |                                |   |                       |
|-----|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------|
|     |                          | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]   | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ |
| 80  | Ngày 21 tháng 3 năm 2021 | 9.919.562.430.069                    | 487.200.000                    | 20.360,34   | -                     |
| 81  | Ngày 22 tháng 3 năm 2021 | 9.864.917.306.004                    | 487.700.000                    | 20.227,42   | (132,92)              |
| 82  | Ngày 23 tháng 3 năm 2021 | 9.784.976.454.444                    | 488.300.000                    | 20.038,86   | (188,56)              |
| 83  | Ngày 24 tháng 3 năm 2021 | 9.617.438.843.046                    | 489.700.000                    | 19.639,45   | (399,41)              |
| 84  | Ngày 25 tháng 3 năm 2021 | 9.601.014.249.985                    | 490.700.000                    | 19.565,95   | (73,50)               |
| 85  | Ngày 26 tháng 3 năm 2021 | 9.598.795.876.589                    | 491.900.000                    | 19.513,71   | (52,24)               |
| 86  | Ngày 27 tháng 3 năm 2021 | 9.598.795.876.589                    | 491.900.000                    | 19.513,71   | -                     |
| 87  | Ngày 28 tháng 3 năm 2021 | 9.598.795.876.589                    | 491.900.000                    | 19.513,71   | -                     |
| 88  | Ngày 29 tháng 3 năm 2021 | 9.754.113.581.197                    | 492.800.000                    | 19.793,24   | 279,53                |
| 89  | Ngày 30 tháng 3 năm 2021 | 9.793.070.072.625                    | 493.900.000                    | 19.828,04   | 34,80                 |
| 90  | Ngày 31 tháng 3 năm 2021 | 9.799.077.340.633                    | 493.900.000                    | 19.840,20   | 12,16                 |
| 91  | Ngày 1 tháng 4 năm 2021  | 10.035.888.673.240                   | 494.100.000                    | 20.311,45   | 471,25                |
| 92  | Ngày 2 tháng 4 năm 2021  | 10.120.584.947.366                   | 494.400.000                    | 20.470,43   | 158,98                |
| 93  | Ngày 3 tháng 4 năm 2021  | 10.120.584.947.366                   | 494.400.000                    | 20.470,43   | -                     |
| 94  | Ngày 4 tháng 4 năm 2021  | 10.120.584.947.366                   | 494.400.000                    | 20.470,43   | -                     |
| 95  | Ngày 5 tháng 4 năm 2021  | 10.157.555.404.380                   | 495.300.000                    | 20.507,88   | 37,45                 |
| 96  | Ngày 6 tháng 4 năm 2021  | 10.225.044.572.638                   | 496.300.000                    | 20.602,54   | 94,66                 |
| 97  | Ngày 7 tháng 4 năm 2021  | 10.283.346.826.256                   | 496.300.000                    | 20.720,02   | 117,48                |
| 98  | Ngày 8 tháng 4 năm 2021  | 10.337.078.327.147                   | 500.800.000                    | 20.641,13   | (78,89)               |
| 99  | Ngày 9 tháng 4 năm 2021  | 10.420.113.207.688                   | 500.800.000                    | 20.806,93   | 165,80                |
| 100 | Ngày 10 tháng 4 năm 2021 | 10.420.113.207.688                   | 500.800.000                    | 20.806,93   | -                     |
| 101 | Ngày 11 tháng 4 năm 2021 | 10.420.113.207.688                   | 500.800.000                    | 20.806,93   | -                     |
| 102 | Ngày 12 tháng 4 năm 2021 | 10.562.703.962.076                   | 501.400.000                    | 21.066,42   | 259,49                |
| 103 | Ngày 13 tháng 4 năm 2021 | 10.516.794.549.828                   | 503.800.000                    | 20.874,93   | (191,49)              |
| 104 | Ngày 14 tháng 4 năm 2021 | 10.571.885.106.341                   | 504.100.000                    | 20.971,80   | 96,87                 |
| 105 | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 | 10.444.237.543.995                   | 504.100.000                    | 20.718,58   | (253,22)              |
| 106 | Ngày 16 tháng 4 năm 2021 | 10.365.862.707.359                   | 505.300.000                    | 20.514,27   | (204,31)              |
| 107 | Ngày 17 tháng 4 năm 2021 | 10.365.862.707.359                   | 505.300.000                    | 20.514,27   | -                     |
| 108 | Ngày 18 tháng 4 năm 2021 | 10.365.862.707.359                   | 505.300.000                    | 20.514,27   | -                     |
| 109 | Ngày 19 tháng 4 năm 2021 | 10.608.844.161.227                   | 506.600.000                    | 20.941,26   | 426,99                |
| 110 | Ngày 20 tháng 4 năm 2021 | 10.688.116.139.668                   | 507.100.000                    | 21.076,93   | 135,67                |
| 111 | Ngày 21 tháng 4 năm 2021 | 10.688.116.139.668                   | 507.100.000                    | 21.076,93   | -                     |
| 112 | Ngày 22 tháng 4 năm 2021 | 10.444.014.910.444                   | 507.600.000                    | 20.575,28   | (501,65)              |
| 113 | Ngày 23 tháng 4 năm 2021 | 10.800.595.747.393                   | 507.800.000                    | 21.269,38   | 694,10                |
| 114 | Ngày 24 tháng 4 năm 2021 | 10.800.595.747.393                   | 507.800.000                    | 21.269,38   | -                     |
| 115 | Ngày 25 tháng 4 năm 2021 | 10.800.595.747.393                   | 507.800.000                    | 21.269,38   | -                     |
| 116 | Ngày 26 tháng 4 năm 2021 | 10.623.390.635.633                   | 507.400.000                    | 20.936,91   | (332,47)              |
| 117 | Ngày 27 tháng 4 năm 2021 | 10.956.811.781.375                   | 523.300.000                    | 20.937,91   | 1,00                  |
| 118 | Ngày 28 tháng 4 năm 2021 | 11.025.752.589.412                   | 523.300.000                    | 21.069,65   | 131,74                |
| 119 | Ngày 29 tháng 4 năm 2021 | 11.232.441.542.506                   | 523.300.000                    | 21.464,63   | 394,98                |

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu số B06g – ETF

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

| Kỳ  | Ngày tính NAV            | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |                                |   |                       |
|-----|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------|
|     |                          | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]   | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ |
| 120 | Ngày 30 tháng 4 năm 2021 | 11.232.140.380.754                   | 523.300.000                    | 21.464,05   | (0,58)                |
| 121 | Ngày 1 tháng 5 năm 2021  | 11.231.236.966.569                   | 523.300.000                    | 21.462,32   | (1,73)                |
| 122 | Ngày 2 tháng 5 năm 2021  | 11.231.236.966.569                   | 523.300.000                    | 21.462,32   | -                     |
| 123 | Ngày 3 tháng 5 năm 2021  | 11.231.236.966.569                   | 523.300.000                    | 21.462,32   | -                     |
| 124 | Ngày 4 tháng 5 năm 2021  | 11.344.192.675.302                   | 523.300.000                    | 21.678,18   | 215,86                |
| 125 | Ngày 5 tháng 5 năm 2021  | 11.512.315.495.721                   | 523.300.000                    | 21.999,45   | 321,27                |
| 126 | Ngày 6 tháng 5 năm 2021  | 11.564.069.226.850                   | 523.300.000                    | 22.098,35   | 98,90                 |
| 127 | Ngày 7 tháng 5 năm 2021  | 11.557.930.298.021                   | 523.300.000                    | 22.086,62   | (11,73)               |
| 128 | Ngày 8 tháng 5 năm 2021  | 11.557.930.298.021                   | 523.300.000                    | 22.086,62   | -                     |
| 129 | Ngày 9 tháng 5 năm 2021  | 11.557.930.298.021                   | 523.300.000                    | 22.086,62   | -                     |
| 130 | Ngày 10 tháng 5 năm 2021 | 11.860.990.254.197                   | 529.800.000                    | 22.387,67   | 301,05                |
| 131 | Ngày 11 tháng 5 năm 2021 | 11.871.251.842.431                   | 532.200.000                    | 22.305,99   | (81,68)               |
| 132 | Ngày 12 tháng 5 năm 2021 | 12.116.662.686.306                   | 533.900.000                    | 22.694,62   | 388,63                |
| 133 | Ngày 13 tháng 5 năm 2021 | 12.042.233.971.454                   | 534.100.000                    | 22.546,77   | (147,85)              |
| 134 | Ngày 14 tháng 5 năm 2021 | 12.149.686.262.188                   | 534.100.000                    | 22.747,96   | 201,19                |
| 135 | Ngày 15 tháng 5 năm 2021 | 12.149.686.262.188                   | 534.100.000                    | 22.747,96   | -                     |
| 136 | Ngày 16 tháng 5 năm 2021 | 12.149.686.262.188                   | 534.100.000                    | 22.747,96   | -                     |
| 137 | Ngày 17 tháng 5 năm 2021 | 12.115.964.003.826                   | 534.400.000                    | 22.672,08   | (75,88)               |
| 138 | Ngày 18 tháng 5 năm 2021 | 12.165.416.073.496                   | 534.400.000                    | 22.764,62   | 92,54                 |
| 139 | Ngày 19 tháng 5 năm 2021 | 12.370.967.287.450                   | 534.400.000                    | 23.149,26   | 384,64                |
| 140 | Ngày 20 tháng 5 năm 2021 | 12.726.285.767.760                   | 534.400.000                    | 23.814,15   | 664,89                |
| 141 | Ngày 21 tháng 5 năm 2021 | 12.677.023.880.442                   | 533.900.000                    | 23.744,19   | (69,96)               |
| 142 | Ngày 22 tháng 5 năm 2021 | 12.677.023.880.442                   | 533.900.000                    | 23.744,19   | -                     |
| 143 | Ngày 23 tháng 5 năm 2021 | 12.677.023.880.442                   | 533.900.000                    | 23.744,19   | -                     |
| 144 | Ngày 24 tháng 5 năm 2021 | 12.732.393.509.913                   | 533.900.000                    | 23.847,89   | 103,70                |
| 145 | Ngày 25 tháng 5 năm 2021 | 12.824.571.723.959                   | 533.900.000                    | 24.020,55   | 172,66                |
| 146 | Ngày 26 tháng 5 năm 2021 | 12.765.888.332.327                   | 525.900.000                    | 24.274,36   | 253,81                |
| 147 | Ngày 27 tháng 5 năm 2021 | 12.612.868.326.642                   | 525.900.000                    | 23.983,39   | (290,97)              |
| 148 | Ngày 28 tháng 5 năm 2021 | 12.795.170.780.804                   | 525.700.000                    | 24.339,30   | 355,91                |
| 149 | Ngày 29 tháng 5 năm 2021 | 12.795.170.780.804                   | 525.700.000                    | 24.339,30   | -                     |
| 150 | Ngày 30 tháng 5 năm 2021 | 12.795.170.780.804                   | 525.700.000                    | 24.339,30   | -                     |
| 151 | Ngày 31 tháng 5 năm 2021 | 12.966.349.107.878                   | 526.000.000                    | 24.650,85   | 311,55                |
| 152 | Ngày 1 tháng 6 năm 2021  | 13.001.631.941.922                   | 524.700.000                    | 24.779,17   | 128,32                |
| 153 | Ngày 2 tháng 6 năm 2021  | 13.023.037.496.097                   | 522.400.000                    | 24.929,24   | 150,07                |
| 154 | Ngày 3 tháng 6 năm 2021  | 13.257.081.112.079                   | 521.900.000                    | 25.401,57   | 472,33                |
| 155 | Ngày 4 tháng 6 năm 2021  | 13.247.763.661.432                   | 522.400.000                    | 25.359,42   | (42,15)               |
| 156 | Ngày 5 tháng 6 năm 2021  | 13.247.763.661.432                   | 522.400.000                    | 25.359,42   | -                     |
| 157 | Ngày 6 tháng 6 năm 2021  | 13.247.763.661.432                   | 522.400.000                    | 25.359,42   | -                     |
| 158 | Ngày 7 tháng 6 năm 2021  | 12.925.363.886.999                   | 522.400.000                    | 24.742,27   | (617,15)              |
| 159 | Ngày 8 tháng 6 năm 2021  | 12.541.418.492.103                   | 523.600.000                    | 23.952,28   | (789,99)              |





**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu số B06g – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

|   |                          | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021</b> |                                |  |               |
|---|--------------------------|---|--------------------------------|--|---------------|
| Kỳ  | Ngày tính NAV            | Giá trị tài sản                             | Số lượng                       | NAV/ICCG   | Tăng/(giảm)   |
|   |                          | ròng (NAV)<br>VND<br>[1]                    | chứng chỉ<br>quỹ<br>CCQ<br>[2] | tại ngày tính<br>NAV<br>VND/CCQ<br>[3] = [1]/[2] |               |
| 160   | Ngày 9 tháng 6 năm 2021  | 12.772.381.383.298                          | 524.700.000                    | 24.342,25  | 389,97        |
| 161   | Ngày 10 tháng 6 năm 2021 | 12.753.038.271.266                          | 525.900.000                    | 24.249,93  | (92,32)       |
| 162   | Ngày 11 tháng 6 năm 2021 | 13.048.247.742.806                          | 527.300.000                    | 24.745,39  | 495,46        |
| 163   | Ngày 12 tháng 6 năm 2021 | 13.048.247.742.806                          | 527.300.000                    | 24.745,39  | -             |
| 164   | Ngày 13 tháng 6 năm 2021 | 13.048.247.742.806                          | 527.300.000                    | 24.745,39  | -             |
| 165   | Ngày 14 tháng 6 năm 2021 | 13.071.365.285.706                          | 528.400.000                    | 24.737,63  | (7,76)        |
| 166   | Ngày 15 tháng 6 năm 2021 | 12.993.758.194.078                          | 529.600.000                    | 24.535,04  | (202,59)      |
| 167   | Ngày 16 tháng 6 năm 2021 | 12.757.732.511.513                          | 530.400.000                    | 24.053,04  | (482,00)      |
| 168   | Ngày 17 tháng 6 năm 2021 | 12.772.188.940.750                          | 522.100.000                    | 24.463,10  | 410,06        |
| 169   | Ngày 18 tháng 6 năm 2021 | 12.936.937.273.686                          | 522.300.000                    | 24.769,16  | 306,06        |
| 170   | Ngày 19 tháng 6 năm 2021 | 12.936.937.273.686                          | 522.300.000                    | 24.769,16  | -             |
| 171   | Ngày 20 tháng 6 năm 2021 | 12.936.937.273.686                          | 522.300.000                    | 24.769,16  | -             |
| 172   | Ngày 21 tháng 6 năm 2021 | 12.981.777.923.770                          | 522.700.000                    | 24.836,00  | 66,84         |
| 173   | Ngày 22 tháng 6 năm 2021 | 13.079.950.483.893                          | 523.400.000                    | 24.990,35  | 154,35        |
| 174   | Ngày 23 tháng 6 năm 2021 | 13.192.296.817.346                          | 527.400.000                    | 25.013,83  | 23,48         |
| 175   | Ngày 24 tháng 6 năm 2021 | 13.180.946.627.750                          | 527.700.000                    | 24.978,10  | (35,73)       |
| 176   | Ngày 25 tháng 6 năm 2021 | 13.212.871.025.802                          | 528.200.000                    | 25.014,90  | 36,80         |
| 177   | Ngày 26 tháng 6 năm 2021 | 13.212.871.025.802                          | 528.200.000                    | 25.014,90  | -             |
| 178   | Ngày 27 tháng 6 năm 2021 | 13.212.871.025.802                          | 528.200.000                    | 25.014,90  | -             |
| 179   | Ngày 28 tháng 6 năm 2021 | 13.436.434.715.912                          | 529.400.000                    | 25.380,49  | 365,59        |
| 180   | Ngày 29 tháng 6 năm 2021 | 13.482.540.889.115                          | 528.700.000                    | 25.501,30  | 120,81        |
| 181   | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | 13.530.434.553.505                          | 529.800.000                    | 25.538,75  | 37,45         |
| • Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ     |                          | 9.943.711.185.843                           | Không áp dụng                  | Không áp dụng                                    | Không áp dụng |
| • Biến động NAV/ICCG trong kỳ ở mức cao nhất  |                          | Không áp dụng                               | Không áp dụng                  | Không áp dụng                                    | (1.203,57)    |
| • Biến động NAV/ICCG trong kỳ ở mức thấp nhất |                          | Không áp dụng                               | Không áp dụng                  | Không áp dụng                                    | (0,58)        |

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 19. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

#### (a) Các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

#### (i) *Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ*

|                 | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|-----------------|---|---|
| Phí quản lý Quỹ | 61.267.408.634                                    | 39.450.065.052                                    |

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ (không chịu thuế GTGT) là 0,80% mỗi năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### (ii) *Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ*

|   | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|---|---|---|
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 17) | 58.213.999  | 58.462.947  |

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (b) Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh –  
Ngân hàng Giám sát

|  | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|--|---|---|
| Phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 15)    | 1.531.685.217                                     | 986.251.625                                       |
| Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 15) | 19.700.000  | 29.400.000  |
| Phí dịch vụ giám sát tài sản               | 3.369.707.471                                     | 2.169.753.584                                     |
| Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF               | 1.684.853.738                                     | 1.084.876.785                                     |
| Phí ngân hàng                              | 29.235.912  | 21.373.319  |
| Lãi tiền gửi ngân hàng                     | 175.009.449                                       | 145.158.134                                       |

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị Quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

| Dịch vụ                                      | Biểu phí                    |
|--|-----------------------------|
| Lưu ký chứng khoán<br>(không chịu thuế GTGT) | ▪ Tối đa 0,02% NAV mỗi năm. |
| Giám sát tài sản<br>(chưa bao gồm thuế GTGT) | ▪ Tối đa 0,06% NAV mỗi năm. |
| Quản trị Quỹ<br>(chưa bao gồm thuế GTGT)     | ▪ Tối đa 0,03% NAV mỗi năm. |

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Quỹ sẽ phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát chi phí giao dịch chứng khoán là 100.000 VND cho mỗi giao dịch.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 20. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ

|  | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30/6/2021<br>VND |
|--|---|---|
| 1. Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)   | 1,08%   | 1,15%   |
| 2. Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/(NAV trung bình trong kỳ) (%) | 16,80%  | 52,36%  |

### 21. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản;
- rủi ro thị trường; và
- rủi ro hoạt động.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ chủ yếu bao gồm các cổ phiếu niêm yết. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

#### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là không đáng kể.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

#### (b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 chủ yếu là chứng khoán của các công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các chứng khoán này có tỷ lệ tự do chuyển nhượng và khả năng thanh khoản cao. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

| Ngày 30 tháng 6 năm 2022                              | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền không chiết khấu VND | Không quá 1 năm VND |
|---|--------------------|--------------------------------|---------------------|
| Phải trả về mua các khoản đầu tư                      | 38.269.970.000     | 38.269.970.000                 | 38.269.970.000      |
| Chi phí phải trả                                      | 115.395.704        | 115.395.704                    | 115.395.704         |
| Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ     | 9.015.217.500      | 9.015.217.500                  | 9.015.217.500       |
| Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF                      | 22.790.530.115     | 22.790.530.115                 | 22.790.530.115      |
|   | 70.191.113.319     | 70.191.113.319                 | 70.191.113.319      |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021                             | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền không chiết khấu VND | Không quá 1 năm VND |
| Chi phí phải trả                                      | 133.374.005        | 133.374.005                    | 133.374.005         |
| Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ | 3.235.508.687      | 3.235.508.687                  | 3.235.508.687       |
| Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF                      | 18.517.645.737     | 18.517.645.737                 | 18.517.645.737      |
|   | 21.886.528.429     | 21.886.528.429                 | 21.886.528.429      |

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### (c) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

##### (i) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

##### (ii) **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

##### (iii) **Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 18.577.657.680.600 VND (31/12/2021: 13.755.212.515.450 VND). Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, tỷ lệ biến động giữa ngày có chỉ số VN DIAMOND cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 29% (năm 2021: tỷ lệ biến động giữa ngày có chỉ số VN DIAMOND cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 74%). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 29% tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 5.387.520.727.374 VND (31/12/2021: 10.178.857.261.433 VND).

## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

### **(d) Rủi ro hoạt động**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số VN DIAMOND và Công ty quản lý Quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt.

Trong quá trình hoạt động, Quỹ có thể phát sinh sai lệch do Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số VN DIAMOND do hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc trong trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cơ cấu lại danh mục của chỉ số tham chiếu VN DIAMOND theo định kỳ ba tháng/một lần. Theo quy định hiện hành, trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu liên tục trong ba tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó, nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ sẽ không thể thực hiện việc mua bán chứng chỉ quỹ.

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu số B06g – ETF  
 (Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
 ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**(e) Giá trị hợp lý****(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

|  | 30/6/2022             |                       | 31/12/2021            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND |
| <b>Tài sản tài chính</b>   |                       |                       |                       |                       |
| <i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:</i> |                       |                       |                       |                       |
| Các Khoản đầu tư   | 18.577.657.680.600    | 18.577.657.680.600    | 13.755.212.515.450    | 13.755.212.515.450    |
| <i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>  |                       |                       |                       |                       |
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền   | 260.534.186.440       | 260.534.186.440       | 43.242.266.392        | 43.242.266.392        |
| Phải thu về bán các khoản đầu tư   | -                     | -                     | 1.672.185.000         | 1.672.185.000         |
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư   | 14.034.256.800        | 14.034.256.800        | 13.504.668.800        | 13.504.668.800        |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>   |                       |                       |                       |                       |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>                       |                       |                       |                       |                       |
| Phải trả về mua các khoản đầu tư   | (38.269.970.000)      | (38.269.970.000)      | -                     | -                     |
| Chi phí phải trả   | (115.395.704)         | (115.395.704)         | (133.374.005)         | (133.374.005)         |
| Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ  | (9.015.217.500)       | (9.015.217.500)       | -                     | -                     |
| Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ  | -                     | -                     | (3.235.508.687)       | (3.235.508.687)       |
| Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF   | (22.790.530.115)      | (22.790.530.115)      | (18.517.645.737)      | (18.517.645.737)      |



## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06g – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

### **(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

## **22. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ**

Hoạt động đầu tư của Quỹ không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ.

## **23. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## **24. Các thay đổi trong cơ cấu của Quỹ**

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ cấu của Quỹ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06gg – ETF**

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)



**25. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 10 tháng 8 năm 2022.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc



